

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTCM, ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên chương trình (Tiếng Việt): Cử nhân Quản trị Kinh doanh tổng hợp

**Tên chương trình (Tiếng Anh): Honours Bachelor of General Business
Administration**

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Quản trị Kinh doanh Mã số: 7340101

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo hướng đến:

Đào tạo cử nhân đại học về Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị kinh doanh, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lãnh đạo, quản trị điều hành, kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu, học tập và tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc; hình thành kỹ năng học tập suốt đời.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh có khả năng:

- Về kiến thức:

- + **PO1:** Có kiến thức cơ bản về luật pháp, kinh tế, quản trị và kinh doanh; nắm vững và đáp ứng được yêu cầu của các quy luật kinh tế thị trường và những đặc điểm của sản xuất, lưu thông hàng hóa, hoạt động quản trị kinh doanh hàng hóa, dịch vụ ở trong nước và trên thị trường thế giới.
- + **PO2:** Có kiến thức chuyên sâu, hiện đại về lãnh đạo, quản trị và điều hành doanh nghiệp; khởi sự và phát triển kinh doanh; văn hóa doanh nghiệp và kinh doanh bền vững; quản trị tri thức và đổi mới sáng tạo trong nền kinh tế

thị trường; có kiến thức về công cụ và phương pháp vận dụng các nguyên lý khoa học quản trị kinh doanh trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

- Về kỹ năng:

+ **PO3:** Nắm vững và vận dụng thành thạo kỹ năng giải quyết các vấn đề trong phạm vi nghề nghiệp liên quan tới quản trị và kinh doanh; khởi sự và phát triển doanh nghiệp; văn hóa doanh nghiệp và kinh doanh bền vững; quản trị tri thức và đổi mới sáng tạo.

+ **PO4:** Nắm vững và vận dụng thành thạo các kỹ năng mềm nhằm mục đích hỗ trợ cho các hoạt động nghề nghiệp; từ đó nâng cao vốn sống, tăng khả năng thích nghi, hòa nhập với môi trường toàn cầu để phát huy tối đa năng lực cá nhân.

- Về tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

+ **PO5:** Sinh viên được đào tạo về ý thức chấp hành pháp luật của Nhà nước và quy định của tổ chức; có đạo đức kinh doanh và tinh thần trách nhiệm với xã hội.

+ **PO6:** Sinh viên được đào tạo để phát triển khả năng tự chủ trong công việc, có trách nhiệm thực hiện tốt công việc của mình một cách sáng tạo; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc khác nhau, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ của bản thân; có thái độ hợp tác, phụng sự trong công việc, phụng sự đất nước.

2. CHUẨN ĐẦU RA

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1: Vận dụng được các phạm trù, các qui luật kinh tế chính trị, pháp luật kinh tế, các nguyên lý vận hành kinh tế vĩ mô và vi mô.	3
	K2: Vận dụng phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản trị kinh	3

	doanh.	
	K3: Triển khai các hoạt động quản trị, kinh doanh trên nền tảng khoa học quản trị điều hành, nhân sự, vận hành, bán hàng, chất lượng, kinh doanh quốc tế, chuỗi cung ứng và dự án.	3
	K4: Phân tích được các lĩnh vực cơ bản bao gồm các hoạt động quản trị, nhân sự, vận hành, bán hàng, kinh doanh quốc tế, chất lượng, chuỗi cung ứng và dự án.	4
	K5: Đánh giá được môi trường kinh doanh toàn cầu, qua đó nhận diện được các cơ hội và thách thức giúp hoạch định chiến lược kinh doanh phù hợp.	5
	K6: Hệ thống hóa các kiến thức ngành và chuyên ngành để giải quyết các vấn đề quản trị và kinh doanh trong môi trường toàn cầu.	6
	K7: Đề xuất các phương thức quản trị tích hợp cho các hoạt động về quản trị, kinh doanh trong các loại hình của tổ chức.	6
	K8: Tạo lập được các dự án khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong kinh doanh.	6
Kỹ năng	S1: Sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp kinh doanh trong môi trường kinh doanh toàn cầu (đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc ban hành theo thông tư Số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/02/2014).	5
	S2: Sử dụng hiệu quả các phần mềm ứng dụng, công nghệ thông tin và các công cụ thống kê để giải quyết các vấn đề quản trị và kinh doanh (đạt chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	4

	hoặc chứng chỉ MOS - Word và Excel).	
	S3: Hợp tác, làm việc nhóm để đạt được các mục tiêu chung của tổ chức trong môi trường đa văn hóa.	5
	S4: Phối hợp sử dụng các nguồn lực của tổ chức một cách hiệu quả.	5
	S5: Nhận dạng và giải quyết tốt các vấn đề trong hoạt động quản trị, quản trị kinh doanh trong môi trường bất định.	6
	S6: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	4
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	A1: Có năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp, phát triển bản thân.	4
	A2: Có năng lực học tập lên cao và học tập suốt đời.	4
	A3: Tuân thủ các quy định về luật pháp, các chuẩn mực về đạo đức và thực thi trách nhiệm xã hội trong kinh doanh.	5
	A4: Có thái độ chuẩn mực trong công việc và tinh thần phụng sự tổ quốc.	5
	A5: Định hướng trở thành công dân toàn cầu.	4

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

Thời gian đào tạo: 4 năm, thời gian học tập tối đa: 7 năm. Thời gian đào tạo: 4 năm. Thời gian học tập tối đa: 7 năm theo Khoản 2, điều 8, Chương II, Quyết định số 1329 ngày 16/7/2021.

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 127 tín chỉ (không kể giáo dục an ninh quốc phòng, giáo dục thể chất và kỹ năng mềm)

5. TUYỂN SINH

5.1 Chỉ tiêu tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

5.2 Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5.3 Điều kiện nhập học: trúng tuyển theo Đề án tuyển sinh hàng năm của trường.

6. ĐÀO TẠO

6.1 Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing, ban hành kèm theo Quyết định số 1329/QĐ/ĐHTCM, ngày 16/7/2021 của trường Đại học Tài chính – Marketing.

6.2 Địa điểm đào tạo

Các cơ sở đào tạo thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing.

6.3 Đơn vị phối hợp đào tạo: không

7. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Tích lũy đủ 127 tín chỉ (không kể giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh) và thỏa các điều kiện theo Quy định ở Điều 22, chương III, Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing, ban hành kèm theo Quyết định số 1329/QĐ/ĐHTCM, ngày 16/7/2021; Quy định về chuẩn đầu ra của trường đối với bậc đại học hệ chính quy.

- Điều kiện về trình độ tin học:

+ Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS cấp độ Specialist (MS. Word, MS. Excel) do Microsoft cấp.

+ Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin hay Hệ thống thông tin quản lý hệ chính quy hoặc hệ vừa làm vừa học.

+ Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT) do các cơ sở giáo dục công lập cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Điều kiện về trình độ tiếng Anh

Chương trình đào tạo áp dụng	Cấp độ theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR)	Cấp độ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	IELTS	TOEFL (PBT/CBT/iBT)	TOEIC

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Chương trình Chất lượng cao	B2	4/6	5.0	500/173/61	625

Ghi chú:

- Các điểm số, cấp độ nêu trên là điểm số, cấp độ tối thiểu cần đạt được; điểm số tô đậm là điểm số của chứng chỉ tương ứng đã nêu trong nội dung chuẩn đầu ra.

- (1), (2): là các chứng chỉ xác nhận trình độ ngoại ngữ theo Khung tham chiếu chung châu Âu (CEFR) hoặc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các cơ sở giáo dục công lập cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- (3): là Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS do Hội đồng Anh, Đại học Cambridge, IDP-Úc cấp.

- (4), (5): là Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEIC, TOEFL do Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ (ETS) cấp qua đại diện tại Việt Nam – Trung tâm IIG Việt Nam.

- Có chứng chỉ Giáo dục an ninh quốc phòng;

- Kỹ năng mềm: hoàn thành 4 trong 8 kỹ năng như sau:

Hoàn thành 2 trong 4 kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:

- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng Làm việc nhóm
- Kỹ năng Quản lý thời gian
- Kỹ năng Tư duy sáng tạo

Hoàn thành 2/4 kỹ năng thuộc nhóm kỹ năng cần cho sinh viên trong làm việc

- Kỹ năng Giao tiếp
- Kỹ năng Giải quyết vấn đề
- Kỹ năng tìm việc
- Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

		Số	Khối lượng kiến thức	Ghi chú
--	--	----	----------------------	---------

STT/ mã HP	Tên học phần	tín chỉ	LT	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP,DN	Tự học	
1.Kiến thức giáo dục đại cương							
1.1 Lý luận chính trị: 11 tín chỉ							
	Triết học Mác - Lênin	3	45			90	
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			60	
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			60	
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			60	
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			60	
1.2 Khoa học xã hội: 3 tín chỉ							
	Pháp luật đại cương	3	45			90	
1.3 Ngoại ngữ: 18 tín chỉ							
	Tiếng Anh tổng quát 1	3	45			110	TOEIC $\geq$ 300
	Tiếng Anh tổng quát 2	3	45			110	TATQ1
	Tiếng Anh tổng quát 3	3	45			110	TATQ2
	Tiếng Anh tổng quát 4	3	45			110	TATQ3
	Tiếng Anh tổng quát 5	3	45			110	TATQ4
	Tiếng Anh tổng quát 6	3	45			110	TATQ5
1.4 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường: 8 tín chỉ							
	Toán cao cấp	4	60			120	
	Tin học đại cương	4	45		30	120	

2.Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
2.1 Kiến thức cơ sở: 21 tín chỉ							
	Kinh tế vi mô	3	45			90	
	Kinh tế vĩ mô	3	45			90	
	Nguyên lý kế toán	3	45			90	
	Nguyên lý marketing	3	45			90	
	Quản trị học	3	45			90	
	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	3	45			90	
	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	3	45			90	
2.2 Kiến thức ngành: 39							
	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	20	15	10	90	
	Quản trị hành chính văn phòng	2	20	10	0	60	
	Quản trị chiến lược	3	30	15	0	90	
	Quản trị nguồn nhân lực	3	30	15	0	90	TA
	Quản trị marketing	3	30	15	0	90	
	Quản trị vận hành	3	30	15	0	90	
	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	30	15	0	90	
	Quản trị bán hàng	3	24	6	30	90	TA
	Quản trị dự án	3	30	15	0	90	
	Quản trị chuỗi cung ứng	3	30	15	0	90	TA
	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	30	15	0	90	TA

	Quản trị chất lượng	3	30	15	0	90	TA
	Thực hành nghề nghiệp 1	2	0	30	0	60	
	Thực hành nghề nghiệp 2	2	0	30	0	60	
2.3 Kiến thức chuyên ngành: 15 tín chỉ							
	Học phần bắt buộc:						
	Quản trị rủi ro	3	30	15	0	90	
	Quản trị đổi mới sáng tạo	3	30	15	0	90	
	Phân tích và Dự báo kinh doanh	3	30	15	0	90	
	Học phần tự chọn: 6 tín chỉ, chọn 1 trong 2 nhóm định hướng sau đây						
	Nhóm 1: Định hướng quản trị quốc tế						
	Quản trị đa quốc gia	3	30	15	0	90	
	Quản trị ngoại thương	3	30	15	0	90	
	Nhóm 2: Định hướng quản trị nội bộ						
	Hệ thống kiểm soát quản trị	3	30	15	0	90	
	Quản trị xung đột	3	30	15	0	90	
2.4 Kiến thức bổ trợ ngành: 6 tín chỉ							
	Giao tiếp kinh doanh	3	30	15	0	90	
	Khởi sự kinh doanh	3	30	15	0	90	
3. Tốt nghiệp: 6 tín chỉ							
	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	90	0	180	
	Thực tập cuối khóa	3	0	90	0	90	

Học phần thay thế (chọn 1 trong 2 học phần sau đây)						
Nhóm 1 (Nếu đã đăng ký và học xong các học phần thuộc Nhóm 1 trong phần 2.3): Hệ thống kiểm soát quản trị	3	30	15	0	90	
Nhóm 2 (Nếu đã đăng ký và học xong các học phần thuộc Nhóm 2 trong phần 2.3) Quản trị ngoại thương	3	30	15	0	90	
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA	127					

Quy định:

- 1) Làm khóa luận tốt nghiệp: Sinh viên có điểm trung bình tích lũy của tất cả các học phần thuộc khối kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo từ 2,50 (thang điểm 4) thì đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp.
- 2) Thực tập cuối khoá và học bổ sung kiến thức: Áp dụng cho sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp hoặc sinh viên đủ điều kiện làm KLTN nhưng có nguyện vọng thực tập cuối khoá và học bổ sung kiến thức.

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN):

9.1 Kế hoạch giảng dạy hệ chính quy:

Năm 1

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN TRƯỚC	GHI CHÚ
1.	Triết học Mác-Lê nin	3		
2.	Kinh tế chính trị Mac-Lê nin	2		
3.	Pháp luật đại cương	3		
4.	Tin học đại cương	4		
5.	Toán cao cấp	4		

6.	Kinh tế vi mô 1	3		
7.	Tiếng Anh tổng quát 1	3		
8.	Tiếng Anh tổng quát 2	3	Tiếng Anh tổng quát 1	
9.	Nguyên lý marketing	3		
10.	Nguyên lý kế toán	3		
11.	Quản trị học	3	Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1	
12.	Kinh tế vĩ mô	3		
13.	Giáo dục thể chất	1		
14.	Giáo dục quốc phòng (theo kế hoạch của trường)			
15.	Cộng (không kể GDTC & GDQP)	37		

Năm 2

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN TRƯỚC	GHI CHÚ
16.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
17.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
18.	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	3		
19.	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	Kinh tế vi mô 1; Kinh tế vĩ mô 1	
20.	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	3		
21.	Tiếng Anh tổng quát 3	3	Tiếng Anh tổng quát 2	

22.	Tiếng Anh tổng quát 4	3	Tiếng Anh tổng quát 3	
23.	Quản trị marketing	3		
24.	Quản trị nguồn nhân lực	3	Quản trị học	
25.	Thực hành nghề nghiệp 1	2	Quản trị học	
26.	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3		
27.	Quản trị đổi mới sáng tạo	3	Không	
28.	Giao tiếp kinh doanh	3	Không	
29.	Quản trị chất lượng	3	Quản trị học; Toán cao cấp	
30.	Giáo dục thể chất	1		
31.	Giáo dục quốc phòng (theo kế hoạch của trường)			
	Cộng (không kể GDTC & GDQP)	39		

Năm 3

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN TRƯỚC	GHI CHÚ
32.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		
33.	Tiếng Anh tổng quát 5	3	Tiếng Anh tổng quát 4	
34.	Tiếng Anh tổng quát 6	3	Tiếng Anh tổng quát 5	
35.	Quản trị hành chính văn phòng	2	Quản trị học; Quản trị nguồn nhân lực	
36.	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	Quản trị học Quản trị chiến lược	

37.	Quản trị vận hành	3	Quản trị chất lượng	
38.	Quản trị bán hàng	3	Quản trị học	
39.	Quản trị chiến lược	3	Quản trị học; Nguyên lý marketing	
40.	Quản trị dự án	3	Quản trị tài chính	
41.	Phân tích và dự báo kinh doanh	3	Quản trị tài chính; Quản trị bán hàng	
42.	Khởi sự kinh doanh	3	Quản trị tài chính, Quản trị chiến lược	
43.	Quản trị rủi ro	3	Quản trị học	
44.	Quản trị chuỗi cung ứng	3	Quản trị vận hành, Quản trị chiến lược	
45.	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị chuyên ngành)	2	Quản trị học, Thực hành nghề nghiệp 1	
46.	Giáo dục thể chất	1		
47.	Cộng (không kể GDTC)	39		

Năm 4

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Chọn 1 trong 2 định hướng sau đây: 6 tín chỉ			
	Quản trị đa quốc gia	3	Quản trị chiến lược	Nhóm 1
	Quản trị ngoại thương	3	Quản trị chiến lược	
	Hệ thống kiểm soát quản trị	3	Quản trị tài chính Quản trị chiến lược	Nhóm 2

	Quản trị xung đột	3	Quản trị học Nguyên lý marketing	
2	Thực tập cuối khoá và viết khóa luận TN	6		
	Hoặc TTCK và chọn HP thay thế KLTN TN	6		
1	Thực tập cuối khoá	3		
2	Học 1 học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	3		
	Cộng	12		

9.2 Kế hoạch đào tạo hệ vừa làm vừa học (không có đào tạo)

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

10.1 Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

- Sau khi kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt. Khoa và Bộ môn sẽ tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo theo kế hoạch từng năm và học kỳ. Hàng năm Bộ môn sẽ xây dựng, cập nhật đề cương chi tiết các môn chuyên ngành của bộ môn, xây dựng các kế hoạch thực hành cho từng môn chuyên ngành và kế hoạch thực tập cuối khoa.
- Khoa chịu trách nhiệm phân công giáo viên giảng, theo dõi nội dung giảng dạy theo đúng với yêu cầu đề cương chương trình học phần. Tổ chức đánh giá kết quả học tập theo đúng qui chế của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.
- Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo. Hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế.
- Nhà trường cần có các phòng học trang bị phương tiện hiện đại hỗ trợ cho việc giảng dạy bằng giáo án điện tử, và các phòng thực hành cho sinh viên như: phòng thảo luận seminar, phòng báo cáo đề tài nhóm.

10.2 Phương pháp đào tạo

- Kết hợp quá trình giảng dạy, hướng dẫn của thầy và tự nghiên cứu của SV, đề cao

và khuyến khích tính tự chủ, năng động trong học tập và nghiên cứu của sinh viên. Áp dụng các phương pháp giảng dạy mới như: nêu vấn đề, bài tập tình huống, đề tài nhóm. Chú trọng đến kỹ năng thực hành các học phần chuyên ngành.

- Giảng viên phụ trách học phần xây dựng kế hoạch thực hành trong từng học kỳ năm học. Khoa duyệt kế hoạch, phổ biến đến SV để có hướng chuẩn bị học tích cực.
- Áp dụng các hình thức thực hành đa dạng cho các môn chuyên ngành như:
 - ✓ Tổ chức seminar: Giảng viên chỉ giảng dạy các nội dung cơ bản, hướng dẫn tài liệu tham khảo, bài đọc thêm, đề nghị SV đọc và tham gia thảo luận trên lớp hoặc bài viết.
 - ✓ Tham quan doanh nghiệp, xem tư liệu, thảo luận theo nhóm và viết bài thu hoạch sau đợt tham quan thực tế theo ngày, kỳ.
 - ✓ Mời các doanh nghiệp báo cáo thực tế, SV viết bài thu hoạch về doanh nghiệp.
 - ✓ Tổ chức thực hành theo nhóm nhỏ: thảo luận tình huống, khảo sát viết đề tài nhỏ, đề tài nghiên cứu khoa học
- Đánh giá kết quả thực hành: Đánh giá thực hành sẽ theo yêu cầu từng học phần theo kế hoạch thực hành Khoa đã duyệt, phù hợp với qui chế của Bộ Giáo Dục – Đào tạo và các văn bản của Trường.

11. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH (mỗi học phần có ghi rõ chuẩn đầu ra)

11.1. Triết học Mác-Lenin

- ❖ Học phần học trước: không
- ❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung thực hiện theo công văn số 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn Lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về lý luận chính trị. Học phần mở đầu bằng việc trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm đưa đến cái nhìn tổng quát về đối tượng, phạm vi của học phần và vai trò của triết học triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Giới thiệu những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác-Lênin vừa là điều kiện tiên

quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra. Bên cạnh đó học phần còn giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận triết học, bộ phận lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức		K1, K2
Kỹ năng		S3, S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm		S1, S2, S3, S4, S5

11.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

❖ Học phần học trước: Triết học Mác Lênin

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung của học phần thực hiện theo công văn số 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn Lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về lý luận chính trị. Học phần bao gồm 6 chương, với các nội dung sau:

- Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin; đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin.
- Sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hóa; nguồn gốc, bản chất và chức năng cơ bản của tiền; dịch vụ và các hàng hóa đặc biệt; thị trường và các chủ thể tham gia thị trường.
- Sự sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản; sự tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư.
- Lý luận của Lênin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; vấn đề độc quyền và độc quyền nhà nước.
- Tính tất yếu khách quan và đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội

chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

- Công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức		K1, K2
Kỹ năng		S3, S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm		S1, S2, S3, S4, S5

11.3 Chủ nghĩa xã hội khoa học

❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung học phần thực hiện theo công văn số 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn Lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về lý luận chính trị.

Giúp người học nắm được những quy luật và tính quy luật Chính trị - Xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế xã hội Cộng Sản Chủ Nghĩa, những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp. Đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức		K1, K2
Kỹ năng		S3, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm		S1, S2, S3, S4, S5

11.4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng, quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2021). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức		K1, K2
Kỹ năng		S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm		S1, S2, S4, S5

11.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học – Không chuyên ngành lý luận chính trị) gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp, nghiên cứu và ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh; nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Công sản Việt Nam; Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết; nhân văn, đạo đức và văn hóa. Qua đó, học phần góp phần

quan trọng trong việc bồi dưỡng, củng cố cho sinh viên lập trường, quan điểm cách mạng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; đồng thời, biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CDR học phần	Đáp ứng CDR CTĐT
Kiến thức		K1, K2
Kỹ năng		S3, S5, S6,
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm		S1, S2, S3, S4, S5

11.6. Pháp luật đại cương

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật, các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cũng như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt Nam, các quy định của ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CDR học phần	Đáp ứng CDR CTĐT
Kiến thức		K1, K2
Kỹ năng		S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm		S1, S2, S3, S4, S5

11.7. Tiếng Anh tổng quát 1

❖ Điều kiện tham gia học phần: Toeic 300 trở lên

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tiếng Anh Tổng Quát 1 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được xây dựng dành cho sinh viên không chuyên ngữ theo học chương trình chất lượng cao, đạt điểm Tiếng Anh đầu vào TOEIC 300. Học phần giới thiệu hệ thống từ vựng và các

cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh, cùng các hoạt động thực hành 04 kỹ năng giao tiếp liên quan các chủ đề về giao tiếp - kể chuyện, con người – nơi chốn, mua sắm – tài chính, công việc – giáo dục, đạt năng lực ngôn ngữ trình độ A2 (tương đương TOEIC 370).

Hình thức tổ chức dạy học: Theo mô hình Học tập kết hợp, sinh viên học trên lớp với giảng viên, đồng thời thực hành các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ trên hệ thống phần mềm trực tuyến có hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách học phần trong và ngoài giờ học.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CDR học phần	Đáp ứng CDR CTĐT
Kiến thức	Kk1; Kk2	Có kiến thức ngôn ngữ cấp độ sơ trung cấp (B1.1) theo khung năng lực Tiếng Anh CEFR
Kỹ năng	Ss1; Ss2; Ss3; Ss4; Ss5	Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cấp độ sơ trung cấp (B1.1) theo khung năng lực Tiếng Anh CEFR
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	Aa1; Aa2; Aa3	A1, A2, A5

11.8. Tiếng Anh tổng quát 2

❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 1

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tiếng Anh Tổng Quát 2 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên không chuyên ngữ theo học chương trình chất lượng cao, đã hoàn thành học phần TATQ 1. Học phần giới thiệu hệ thống từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh, cùng các hoạt động thực hành 04 kỹ năng giao tiếp liên quan các chủ đề về giải trí, thể thao, sức khỏe, âm thực và thiên nhiên, cùng các bài tập thực hành, trình độ A2 (tương đương TOEIC 445).

Hình thức tổ chức dạy học: Theo mô hình Học tập kết hợp, sinh viên học trên lớp với giảng viên, đồng thời thực hành các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ trên hệ thống phần mềm trực tuyến có hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách học phần trong và ngoài giờ học.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CDR học phần	Đáp ứng CDR CTĐT
Kiến thức	Kk1; Kk2;	Có kiến thức ngôn ngữ cấp độ sơ trung cấp (B1.2) theo khung năng lực Tiếng Anh CEFR
Kỹ năng	Ss1; Ss2; Ss3; Ss4; Ss5;	Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cấp độ sơ trung cấp (B1.2) theo khung năng lực Tiếng Anh CEFR
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	Aa1; Aa2; Aa3;	A1, A2, A5

11.9. Tiếng Anh tổng quát 3

- ❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 2
- ❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tiếng Anh Tổng Quát 3 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên không chuyên ngữ theo học chương trình chất lượng cao, đã hoàn thành học phần TATQ 2. Học phần giới thiệu hệ thống từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh, cùng các hoạt động thực hành 04 kỹ năng giao tiếp liên quan các chủ đề về phong cách, lối sống, thói quen, tư duy của cá nhân và nhân loại, trình độ B1 (tương đương TOEIC 500).

Hình thức tổ chức dạy học: Theo mô hình Học tập kết hợp, sinh viên học trên lớp với giảng viên, đồng thời thực hành các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ trên hệ thống phần mềm trực tuyến có hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách học phần trong và ngoài giờ học.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CDR học phần	Đáp ứng CDR CTĐT
Kiến thức	Kk1; Kk2	Có kiến thức ngôn ngữ cấp độ tiệm cận trung cấp (B1.3) theo khung năng lực Tiếng Anh CEFR
Kỹ năng	Ss1; Ss2; Ss3; Ss4; Ss5;	Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cấp độ tiệm cận trung cấp (B1.3) theo khung năng lực Tiếng Anh CEFR

Mục tiêu	CDR học phần	Đáp ứng CDR CTĐT
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	Aa1; Aa2; Aa3;	A1, A2, A5

11.10. Tiếng Anh tổng quát 4

- ❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 3
- ❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tiếng Anh Tổng Quát 4 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên không chuyên ngữ theo học chương trình chất lượng cao, đã hoàn thành học phần TATQ 3. Học phần giới thiệu hệ thống từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh, cùng các hoạt động thực hành 04 kỹ năng giao tiếp liên quan các chủ đề về nghiên cứu, học tập, sự kiện, khám phá thế giới, trình độ B1 (tương đương TOEIC 550).

Hình thức tổ chức dạy học: Theo mô hình Học tập kết hợp, sinh viên học trên lớp với giảng viên, đồng thời thực hành các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ trên hệ thống phần mềm trực tuyến có hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách học phần trong và ngoài giờ học.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu	CDR học phần	Đáp ứng CDR CTĐT
Kiến thức	Kk1; Kk2;	Có kiến thức ngôn ngữ tương đương trình độ trung cấp tiệm cận (B1.3) theo khung năng lực Tiếng Anh CEFR
Kỹ năng	Ss1; Ss2; Ss3; Ss4; Ss5	Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh tương đương trình độ trung cấp tiệm cận (B1.3) theo khung năng lực Tiếng Anh CEFR
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	Aa1; Aa2; Aa3	A1, A2, A5

11.11. Tiếng Anh tổng quát 5

- ❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 4
- ❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tiếng Anh Tổng Quát 5 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên không chuyên ngữ theo học chương trình chất lượng cao, đã hoàn thành học phần TATQ 4. Học phần giới thiệu hệ thống từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh, cùng các hoạt động thực hành 04 kỹ năng giao tiếp liên quan các chủ đề về lĩnh vực kinh doanh như môi trường làm việc, dự án, hệ thống dịch vụ, khách hàng, thời gian làm việc - thư giãn, trình độ B1 (tương đương TOEIC 595).

Hình thức tổ chức dạy học: Theo mô hình Học tập kết hợp, sinh viên học trên lớp với giảng viên, đồng thời thực hành các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ trên hệ thống phần mềm trực tuyến có hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách học phần trong và ngoài giờ học.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	Kk1; Kk2;	Có kiến thức ngôn ngữ cấp độ cao trung cấp (B2.1) theo khung năng lực Tiếng Anh CEFR
Kỹ năng	Ss1; Ss2; Ss3; Ss4; Ss5	Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cấp độ cao trung cấp (B2.1) theo khung năng lực Tiếng Anh CEFR
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	Aa1; Aa2; Aa3	A1, A2, A5

11.12. Tiếng Anh tổng quát 6

❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 5

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tiếng Anh Tổng Quát 6 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên không chuyên ngữ theo học chương trình chất lượng cao, đã hoàn thành học phần TATQ 5. Học phần giới thiệu hệ thống từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh, cùng các hoạt động thực hành 04 kỹ năng giao tiếp liên quan các chủ đề về lĩnh vực kinh doanh như sự quyết định, đổi mới trong công việc, các vấn đề lĩnh vực bảo hiểm, quản trị chuỗi cung ứng, trình độ B2 (tương đương TOEIC 630).

Hình thức tổ chức dạy học: Theo mô hình Học tập kết hợp, sinh viên học trên lớp với giảng viên, đồng thời thực hành các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ trên hệ thống phần

mềm trực tuyến có hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách học phần trong và ngoài giờ học.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	Kk1; Kk2;	Có kiến thức ngôn ngữ cấp độ cao trung cấp (B2.1) theo khung năng lực Tiếng Anh CEFR.
Kỹ năng	Ss1; Ss2; Ss3; Ss4; Ss5	Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cấp độ cao trung cấp (B2.1) theo khung năng lực Tiếng Anh CEFR.
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	Aa1; Aa2; Aa3	A1, A2, A5

11.13. Toán cao cấp

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến; Hàm nhiều biến; Các bài toán cực trị; phép tính tích phân; Phương trình vi phân.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức		K1, K2
Kỹ năng		S2, S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm		A1, A2

11.14. Tin học đại cương

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt nội dung học phần: Mô tả học phần: Học phần Tin học đại cương trang bị cho sinh viên các khối kiến thức như sau: (1) Hệ điều hành Windows và các tiện ích

của hệ điều hành; (2) Internet, các phương pháp tìm kiếm thông tin trên internet và quản lý hộp mail với Microsoft Outlook; (3) Soạn thảo văn bản với Microsoft Word; (4) Trình chiếu với Microsoft Powerpoint và (5) Xử lý bảng tính với Microsoft Excel.

Học phần này không nhằm giới thiệu từ đầu các khối kiến thức trên mà củng cố, phát triển nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản, trình bày văn bản đúng kỹ thuật, trình bày báo cáo khoa học đúng chuẩn, xử lý dữ liệu với bảng tính, soạn bài thuyết trình ấn tượng, quản lý hộp mail thông qua Microsoft Outlook, tìm kiếm tài liệu trên Internet, sử dụng các phần mềm tiện ích và bảo mật ứng dụng vào những hoạt động học tập cũng như làm việc sau này thông qua các bài tập thực hành, các tình huống cụ thể.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức		K1, K2
Kỹ năng		S2, S3, S4
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm		A1, A2

11.15. Kinh tế vi mô 1

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, nguyên tắc lựa chọn của các cá nhân trong nền kinh tế như người tiêu dùng và người sản xuất, cũng như cách ra quyết định phối hợp các yếu tố đầu vào của nhà sản xuất trong từng cấu trúc thị trường sao cho có hiệu quả nhất. Nhờ đó, sinh viên sẽ áp dụng để phân tích các vấn đề về kinh tế thị trường khi học các học phần tiếp theo.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức		K1, K2, K4, K5
Kỹ năng		S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách		A1, A2

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
nhiệm		

11.16. Kinh tế vĩ mô 1

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

❖ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này nhằm giới thiệu những chỉ tiêu cơ bản để đo lường tổng thể nền kinh tế như tổng sản phẩm nội địa, tổng thu nhập quốc gia, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất thị trường, cán cân thanh toán, cán cân ngân sách, tỉ giá hối đoái, . . . và nghiên cứu chúng trong mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Từ đó, giới thiệu các chính sách mà chính phủ các quốc gia sử dụng để điều tiết nền kinh tế, như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương, chính sách tỉ giá hối đoái.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức		K1, K2, K4, K5
Kỹ năng		S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm		A1, A2

11.17. Nguyên lý kế toán

❖ Học phần học trước: Không.

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán để phản ánh quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức		K1, K2, K3, K4, K5

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kỹ năng		S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm		A1, A2

11.18. Nguyên lý marketing

- ❖ Học phần học trước: không
- ❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần nguyên lý marketing bao gồm 10 chương, trước hết làm rõ các khái niệm cơ bản của marketing như khái niệm marketing, marketing mix, vấn đề đạo đức trong hoạt động marketing. Học phần đi sâu phân tích nội dung các hoạt động marketing (quá trình marketing) như phân tích môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng thông qua hoạt động nghiên cứu thị trường, chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược marketing và các chiến lược bộ phận gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức		K1, K2, K3, K4, K5
Kỹ năng		S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm		A1, A2

11.19. Quản trị học

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1
- ❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Quản trị học là học phần thuộc khối kiến thức sơ sở, nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị trên cơ sở quan điểm quản trị hiện đại trong bối cảnh kinh toàn cầu hóa và nền kinh tế số. Do tầm quan trọng của quản trị nên kiến thức về quản trị ngày càng được chú trọng đào tạo trong các trường đại học, không chỉ cho khối ngành quản trị kinh doanh mà còn cho các chuyên ngành khác. Quản trị học là học phần mang tính nguyên lý để vận dụng cho mọi định hướng nghề nghiệp, không chỉ trong lĩnh vực kinh doanh mà cả trong lĩnh vực phi kinh doanh; không chỉ đối với hoạt động của tổ

chức mà cả đối với hoạt động cá nhân riêng lẻ. Học phần hình thành nền tảng kiến thức về bốn chức năng cốt lõi của quản trị bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát; và vận dụng các chức năng quản trị trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức. Học phần này tạo tiền đề, cơ sở cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách giải quyết vấn đề về quản trị của tổ chức trong xu thế hội nhập, toàn cầu hoá.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6, Ks7, Ks8	K1, K2, K3, K4, K5
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5	S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2	A1, A2

11.20. Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường Tài chính 1

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (foundation learning courses) của các chương trình đào tạo thuộc khối ngành Kinh tế. Các nội dung của học phần này vừa mang tính lý thuyết lại vừa gắn liền với các hoạt động thực tiễn.

Thứ nhất, học phần này giúp người học **hiểu và vận dụng được** được các phạm trù liên quan đến Tài chính – Tiền tệ - Ngân hàng, các phạm trù gắn liền với các hoạt động kinh tế diễn ra hàng ngày: Tiền tệ, lãi suất, tín dụng, tỷ giá, lạm phát, vốn,

Thứ hai, đây là học phần đầu tiên trong chương trình đào tạo giúp người học hiểu, bên cạnh thị trường hàng hóa, dịch vụ, còn có các thị trường tài chính – là những cấu phần không thể thiếu trong nền kinh tế và cũng là thị trường tác động mạnh mẽ đến hiệu quả của cả nền kinh tế. Các thị trường này điều tiết dòng vốn cho mọi hoạt động kinh tế, cung cấp thêm cơ hội đầu tư, công cụ phòng vệ rủi ro đồng thời góp phần làm tăng thanh khoản cho cả nền kinh tế. Các thị trường tài chính tiêu biểu gồm: Thị trường vốn, thị trường cổ phiếu, Thị trường tín dụng, Thị trường bảo hiểm, Thị trường tiền tệ ...

Thứ ba, đây cũng là học phần đầu tiên trong chương trình đào tạo giúp người **học hiểu, giải thích và nhận định** được các hiện tượng liên quan đến tiền tệ, sự kiện tài chính - tiền tệ, liên hệ với các thị trường hàng hóa, dịch vụ thông qua diễn biến của các thông tin tài chính như: lãi suất, tỷ giá, tài chính công, các vấn đề hạn chế thanh toán không dùng tiền mặt, nắm được sự khác biệt của ngân hàng và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Cuối cùng, đây là học phần đầu tiên trong chương trình cung cấp những tình huống cơ bản về đầu tư, như: tính tỷ suất sinh lợi của một khoản đầu tư; so sánh các cơ hội đầu tư; so sánh giữa lợi ích và rủi ro; so sánh giá trị đầu tư ở các mốc thời gian khác nhau; đưa ra các quyết định đầu tư cơ bản giữa trên các tín hiệu thị trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức		K1, K2, K4, K5
Kỹ năng		S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm		A1, A2

11.21. Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng

❖ Học phần học trước: Toán cao cấp.

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của hiện tượng ngẫu nhiên và cách tính xác suất của biến cố ngẫu nhiên cùng các đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Mẫu ngẫu nhiên, Ước lượng tham số của mẫu, kiểm định giả thuyết thống kê và ứng dụng trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức		K1, K2, K3, K4, K5
Kỹ năng		S2, S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm		A1, A2

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
nhiệm		

11.22. Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh

- ❖ Học phần trước: Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.
- ❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của trường Đại học Tài chính – Marketing. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại, những phương pháp, công cụ, nghiệp vụ, kỹ năng cũng như kiến thức thực tiễn về nghiên cứu kinh doanh. Những kiến thức của học phần là cơ sở khoa học quan trọng giúp sinh viên trong thực hành, thực tập, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề về quản trị kinh doanh. Sinh viên sẽ học cách thức để tiến hành nghiên cứu để giải quyết vấn đề liên quan đến các hoạt động kinh doanh tại các doanh nghiệp.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6, Ks7	K2, K3, K4, K5, K6
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5	S2, S3, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3, As4	A1, A2, A3, A4

11.23. Quản trị hành chính văn phòng

- ❖ Học phần trước: Quản trị nguồn nhân lực
- ❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Quản trị hành chính văn phòng thuộc kiến thức ngành. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản nhất để quản trị hành chính văn phòng tại doanh nghiệp. Giúp cho sinh viên có được những nhận thức căn bản để phối hợp các công cụ và kỹ thuật lập kế hoạch và thực hiện các nghiệp vụ về hành chính tổng hợp để đảm bảo được sự phối hợp giữa các bộ phận trong tổ chức được thông suốt. Nội dung học phần bao gồm việc đề cập đến kỹ năng, cách thức quản trị các hoạt động trong văn phòng, lưu trữ hồ sơ, tài liệu; quản trị không gian làm việc; quản trị các trang thiết bị văn phòng; quản trị các chức năng của văn phòng; các kỹ năng soạn thảo

văn bản và tổ chức công tác lễ tân để giúp nhà quản trị điều hành tốt trong môi trường tổ chức và cung cấp dịch vụ tại doanh nghiệp trong tương lai.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6	K3, K4, K6
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5	S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3, As4	A1, A3

11.24. Quản trị chiến lược

❖ Học phần trước: Quản trị học, Marketing căn bản

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp kiến thức, phương pháp, và hình thành kỹ năng thiết lập chiến lược, tổ chức triển khai chiến lược và kiểm tra đánh giá chiến lược. Những nội dung chủ yếu của học phần bao gồm: Khái quát về chiến lược và quản trị chiến lược; Mô hình quản trị chiến lược của doanh nghiệp (hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát, điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trên cơ sở phân tích về môi trường kinh doanh bên ngoài và bên trong của doanh nghiệp); Các chiến lược chủ yếu của tổ chức và các chiến lược cạnh tranh trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6, Ks7, Ks8	K3, K4, K5, K6, K7, K8
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5, Ss6	S3, S4, S5, S6
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3, As4, As5	A1, A2, A3, A4, A5

11.25. Quản trị nguồn nhân lực/ Human resource management

❖ Học phần trước: Strategic Management

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Human Resource Management is the main subject in training program that provide to learners the knowledge of human resource management which is concerned with all aspects of how people are employed, managed and developed in organizations. It includes human resource planning, job analysis implementing, selecting human resource; training and developing human resource, evaluating performance, structuring compensation and solving labour relations in organizations.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Items	Learning outcome of subject	To get learning outcome of education programme
Knowledge	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6	K3, K4, K5, K6, K7, K8
Skill	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5, Ss6	S1, S2, S3, S4, S5, S6
Competences on Self-reliance and self –responsible	As1, As2, As3	A1; A2; A3; A4; A5

11.26. Quản trị Marketing

❖ Học phần trước: Nguyên lý Marketing

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần môn học Quản trị marketing giới thiệu các khái niệm và quan điểm về quản trị marketing, phân tích các cơ hội thị trường và tiên đoán nhu cầu thị trường, hoạch định chiến lược marketing, lập kế hoạch marketing, quản trị chiến lược marketing mix, tổ chức thực hiện các chương trình marketing, kiểm tra marketing.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

11.27. Quản trị vận hành

❖ Học phần trước: Quản trị học, Nguyên lý Marketing, Kinh tế học

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Quản trị vận hành là học phần thuộc kiến thức ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản nhất để quản trị vận hành một hệ thống sản xuất trên cơ sở quan điểm quản trị hiện đại doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Học phần sẽ cung cấp cho người học các nội dung cơ bản sau: (1) Bản chất, mục tiêu, chức năng của quản trị vận hành; (2) Các quyết định về công nghệ, công suất và thiết bị trong sản

xuất; (3) Các phương pháp dự báo nhu cầu sản xuất; (4) Các phương pháp bố trí mặt bằng để đạt tối ưu trong sản xuất & cách chọn lựa một quy trình sản xuất thích hợp; (5) Các công cụ để hoạch định sản xuất tổng hợp và hoạch định tác nghiệp trong sản xuất; (6) Tổ chức quản trị các yếu tố bảo đảm duy trì sản xuất, các mô hình tồn kho, hoạch định nhu cầu vật tư cho sản xuất, các công cụ để cải tiến chất lượng; (7) các phương pháp sản xuất hiện đại; (8) Các phương pháp quản trị bảo trì hiệu quả và các kỹ thuật phòng chống các tai nạn trong sản xuất.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6, Ks7, Ks8	K3, K4, K5, K6, K7, K8
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5	S2, S3, S4, S5, S6
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3, As4, As5	A1, A2, A3, A4, A5

11.28. Quản trị tài chính doanh nghiệp

❖ Học phần trước: Nguyên lý kế toán

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần xem xét hoạt động tài chính của một tổ chức, thông qua các kiến thức về giá trị thời gian của tiền tệ, các chỉ số đánh giá hiệu quả tài chính, công tác quản trị vốn lưu động và vốn dài hạn, quản trị nguồn tài trợ,... Qua đó giúp sinh viên có thể hiểu, liên hệ và vận dụng trong việc đánh giá hiệu quả tài chính của một doanh nghiệp, phân tích và hoạch định tài chính, ra các quyết định tài chính quan trọng để tối đa hóa hoạt động, tối đa hóa giá trị và quản trị dòng tiền đạt mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp. Học phần đặt trọng tâm vào việc đảm bảo cho sinh viên vừa hiểu một cách trực quan, vừa nắm bắt một cách chặt chẽ những lý thuyết nền tảng về quản trị tài chính và cách thức ứng dụng các nội dung đó vào trong thực tiễn của doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	Kk1; Kk2; Kk3; Kk4; Kk5; Kk6; Kk7	K5; K6; K7; K8

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kỹ năng	Ss1; Ss2; Ss3	S1; S2; S4
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	Aa1; Aa2	A3

11.29. Quản trị bán hàng/ Sales Management

- ❖ Học phần trước:
- ❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Sales management is a course that studies all issues of organizing, building, and managing activities of sales force in organization. The course provides for learners basic knowledge and skills of sales management, ability to perceived the role of sales managers and sales staffs in organization; understanding process of buying; process of selling and other activities related to customers; establishing plan of selling and managing sales team with skills of leading, selecting, training, and evaluating sales forces.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Items	Subject learning outcomes	Matching the Program Learning Outcomes
Knowledge	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6	K3, K4, K5, K6, K7, K8
Skills	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4	S1, S2, S3, S4, S5, S6
Competences on Self-reliance and self - responsibility	As1, As2, As3	A1, A2, A3, A4

11.30. Quản trị dự án

- ❖ Học phần trước: Quản trị học
- ❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Quản trị dự án là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về quản trị dự án, từ khi xuất phát ý tưởng đến khi kết thúc dự án. Học phần cung cấp các nội dung cơ bản: Xác định, đánh giá và lựa chọn dự án; Thiết kế cấu trúc tổ chức dự án; Lập kế hoạch tiến độ, ước tính ngân sách và

phân bổ nguồn lực; Tổ chức thực hiện dự án; Đánh giá và kiểm soát quá trình thực hiện dự án; Kết thúc dự án.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6, Ks7, Ks8, Ks9	K3, K4, K5, K6, K7, K8
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5	S2, S3, S4, S5, S6
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3, As4, As5	A1, A2, A3, A4, A5

11.31. Quản trị chuỗi cung ứng/ Supply Chain Management

❖ Học phần trước: Quản trị học

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

This subject will provide to learners the knowledge of supply chain management which can be applied into one specific enterprise. With such knowledge, learners can work for enterprises in such fields as purchasing, supplier network management, logistics (warehouse and transportation activities) to help enterprises to increase their competitive advantages through reducing input cost, seamless flow in their supply chain and create and maintain the good relationship with their suppliers.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Objectives	Subject output standard	Meet output standard of Course syllabus
Knowledges	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6, Ks7, Ks8, Ks9, Ks10, Ks11, Ks12, Ks13	K3, K4, K5, K6, K7, K8
Skills	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5, Ss6, Ss7	S1, S2, S3, S4, S5, S6
Competences on Self-reliance and self-responsibility	As1, As2, As3, As4	A1, A2, A3, A4, A5

11.32. Quản trị kinh doanh quốc tế/ International Business Management

❖ Học phần trước: Quản trị học

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

This subject will provide to learners the knowledge of international business management such as: international business theory and providing an introduction international business, include: 1) the effects on international business decisions of cultural, political, legal, and economic forces; 2) a presentation of international business basics such as trade, tariffs, exchange rate regimes, capital markets; 3) a study of the comparative theoretical frameworks for establishing international business enterprises, including trade and investment theory; 4) effects of government intervention and aid; the role of social and economic aid organizations such as the EU, ASEAN, IMF and World Bank will also be discussed.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Item	Module Learning Objectives	Response Curriculum
Knowledge	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6	K3, K4, K5, K6, K7, K8
Skills	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5	S1, S3, S4, S5, S6
Competences on Self-reliance and self - responsibility	As1, As2, As3, As4, As5	A1, A2, A3, A4, A5

11.33. Quản trị chất lượng/ Quality Management

❖ Học phần trước: Quản trị học

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

One of the most important issues that businesses have focused on in the last decades has been quality. As markets have become much more competitive, the quality of goods/services and organizations' management has become widely regarded as a key ingredient for business success. This subject introduces the main concepts and principles of quality management and studies on how to implement quality management systems in international and Vietnamese companies.

The subject will provide the knowledge and skills of quality Management to the student who intends to work in the business fields of quality. After completing the

course and achieving the requirements of the final assessment, students will have a basic understanding of the concepts and roles of quality management, various functions through establishing, developing, and maintaining a quality management system to provide benefits and add value to customers.

Students will have the necessary skills for their future careers from planning to auditing quality, analyzing the quality costs, and applying quality tools. Students will know how to choose suitable quality tools for each type of problem to solve.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Items	Subject learning outcomes	Matching the Program Learning Outcomes
Knowledge	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6, Ks7	K3, K4, K6, K7
Skills	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5	S1, S2, S3, S4, S5
Competences on Self-reliance and self - responsibility	As1, As2, As3, As4, As5	A1, A2, A3, A4, A5

11.34. Thực hành nghề nghiệp 1

❖ Học phần trước: Quản trị học

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Thực hành nghề nghiệp 1 là học phần thực hành, được tổ chức trong năm học thứ hai. Học phần này giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học của môn Quản trị học vào trong hoạt động thực tế của doanh nghiệp. Thông qua khảo sát thực tế hoạt động quản trị tại một doanh nghiệp/tổ chức: chủ yếu là khảo sát các nội dung xoay quanh các chức năng quản trị, và một số nội dung khác có liên quan đến học phần Quản trị học, sinh viên mô tả, phân tích hiện trạng thực hiện các chức năng quản trị; nhận diện vấn đề trong các chức năng quản trị tại doanh nghiệp/tổ chức, từ đó, gợi ý phương thức giải quyết vấn đề. Theo Kế hoạch thực hiện của Khoa và giảng viên hướng dẫn.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT

Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6	K3, K4, K6
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4	S2, S3, S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3	A1, A2, A3

11.35. Thực hành nghề nghiệp 2

- ❖ Học phần học trước: Các học phần quản trị chuyên ngành
- ❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Thực hành nghề nghiệp lần 2 (THNN2) là một học phần bắt buộc trong qui trình đào tạo cử nhân đại học ngành Quản trị Kinh doanh, trường Đại học Tài chính – Marketing, nhằm thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. THNN2 nhằm giúp SV có khả năng vận dụng lý thuyết quản trị để đánh giá, phân tích các lĩnh vực hoạt động quản trị cụ thể trong một doanh nghiệp như quản trị nhân sự, quản trị vận hành, quản trị chuỗi cung ứng, quản trị bán hàng, quản trị chất lượng, quản trị kinh doanh quốc tế, quản trị dự án...từ đó đưa ra nhận xét và đề xuất những ý kiến cá nhân về các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị từng lĩnh vực của doanh nghiệp.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CDR học phần	Đáp ứng CDR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3	K3, K4, K6, K7, K8
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4	S2, S3, S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3, As4, As5, As6	A1, A2, A3, A4

11.36. Quản trị rủi ro

- ❖ Học phần học trước: Các học phần thuộc kiến thức ngành
- ❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Quản trị rủi ro là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành, trang bị cho người học các kiến thức căn bản nhất về quản trị rủi ro trong một tổ chức, doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Học phần cung cấp cho người học các nội dung sau: (1) Các loại rủi ro trong tổ chức và sự tồn tại khách quan của rủi ro; (2) Các phương pháp nhận dạng nhằm xác định nguy cơ rủi ro; (3) Phân tích và đo lường rủi ro nhằm làm cơ sở ra quyết định chiến lược xử lý rủi ro; (4) Chuỗi rủi ro là cơ sở xác định biện

pháp kiểm soát rủi ro; (5) Tài trợ rủi ro là hành động hướng đến khắc phục tổn thất tài chính khi xảy ra rủi ro; (6) Bên cạnh học phần cũng trình bày các rủi ro đặc thù và các biện pháp kiểm soát trong tổ chức kinh doanh.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CDR học phần	Đáp ứng CDR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6	K4, K5, K6, K7
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5	S3, S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3, As4, As5	A1, A2, A3, A4

11.37. Quản trị đổi mới sáng tạo

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Quản trị học

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Quản trị đổi mới sáng tạo nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức quan trọng, nhằm khơi dậy tinh thần đổi mới và sáng tạo không ngừng hoạt động quản trị kinh doanh, đặc biệt trong thời đại 4.0; Sau khoá học, sinh viên có đầy đủ các phương pháp, công cụ và kỹ năng để vận hành các trung tâm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp. Đồng thời giúp sinh viên hình thành và nuôi dưỡng tinh thần đổi mới sáng tạo liên tục để thích nghi với môi trường kinh doanh năng động ngày nay.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CDR học phần	Đáp ứng CDR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6, Ks7	K4, K5, K6, K7, K8
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4	S3, S4, S5, S6
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3, As4, As5	A1, A2, A3, A4, A5

11.38. Phân tích và dự báo kinh doanh

❖ Học phần trước: Các học phần thuộc kiến thức ngành

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần phân tích và dự báo trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho

sinh viên những kiến thức, kỹ năng và công cụ để vận dụng, phân tích và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các biện pháp hợp lý để nâng cao doanh thu, đồng thời kiểm soát chi phí và khai thác các khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Phân tích hoạt động kinh doanh bằng các phương pháp, công cụ và kỹ thuật riêng có của mình giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và cho thấy được nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến kết quả; Phân tích báo tài chính của doanh nghiệp cho thấy được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo, thông qua mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối sẽ đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp, khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng sẽ được sáng tỏ khi phân tích báo cáo tài chính. Dự báo kinh doanh cung cấp thông tin ra quyết định phương án kinh doanh.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6, Ks7	K3, K4, K5, K6, K7
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5	S2, S3, S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3, As4, As5	A1, A2, A3, A4

11.39. Quản trị đa quốc gia

❖ Học phần trước: Quản trị chiến lược, Quản trị kinh doanh quốc tế

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Với sự hội nhập kinh tế, xã hội và công nghệ ngày càng sâu, rộng giữa các quốc gia, có rất nhiều vấn đề mà các nhà quản lý phải xem xét, đặc biệt là trong bối cảnh gia tăng áp lực buộc các doanh nghiệp địa phương phải cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Trong bối cảnh chung đó, các nhà quản trị cần tiếp cận quản trị công ty dưới các khía cạnh đa môi trường, đa văn hóa thông qua các kỹ năng phân tích, đối chiếu, so sánh các chức năng hoạt động, chiến lược và vận hành. Vì vậy, Quản trị đa quốc gia là học phần có tính đa ngành, thông tin và ý tưởng được tổng hợp từ nhiều lĩnh vực và chủ đề khác nhau. Học phần Quản trị đa quốc gia nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, sẽ

trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về môi trường kinh doanh toàn cầu ngày nay và hoạt động của các công ty đa quốc gia; vận dụng các lý thuyết chính liên quan đến việc tổ chức và quản lý công ty đa quốc gia; phân tích, đánh giá được các đặc điểm, tính cách và kỹ năng cá nhân ảnh hưởng đến sự thành công của nhà quản lý trong nhiều môi trường khác nhau. Đặc biệt là học phần này sẽ giúp sinh viên nhận biết sự đa dạng của văn hoá kinh doanh trên thế giới và mong muốn trở thành công dân, doanh nhân toàn cầu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CDR học phần	Đáp ứng CDR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6, Ks7	K4, K5, K6, K7, K8
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5, Ss6	S1, S3, S4, S5, S6,
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3, As4, As5, As6	A1, A2, A3, A4, A5

11.40. Quản trị ngoại thương

❖ Học phần trước: Quản trị chiến lược

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Quản trị ngoại thương nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các lĩnh vực kinh doanh ngoại thương. Quản trị ngoại thương là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh định hướng về Kinh doanh Quốc tế, trong đó học phần tập trung giới thiệu và hướng dẫn các nguyên lý nền tảng liên quan đến công tác quản trị có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của thương mại toàn cầu, bao gồm trao đổi hàng hóa/dịch vụ giữa các DN ở các quốc gia với nhau hay nói một cách cụ thể là giữa các DN của các quốc gia trên toàn cầu. Điều này đồng nghĩa rằng thông qua học phần sẽ cung cấp cho sinh viên nắm vững được các quy tắc, chuẩn mực một cách cụ thể, chi tiết trong giao thương quốc tế để có thể vận dụng và thực hiện đạt được kết quả tốt nhất trong hoạt động kinh doanh toàn cầu ngày nay.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CDR học phần	Đáp ứng CDR CTĐT
----------	--------------	------------------

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6	K3, K4, K5, K6, K7
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5	S1, S3, S4, S5, S6
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3, As4, As5	A1, A2, A3, A4, A5

11.41. Hệ thống kiểm soát quản trị

- ❖ Học phần trước: Quản trị học
- ❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Mọi tổ chức đều đề ra các mục tiêu và chiến lược cần phải đạt được. Do đó, hệ thống kiểm soát quản trị được thiết kế nhằm chuyển hóa các chiến lược thành hiện thực, đảm bảo sự thành công và hiệu quả của các chiến lược này. Trọng tâm chính của khóa học là quá trình thực hiện các chiến lược và các tình huống khó xử mà các nhà quản lý phải đối mặt. Học phần Hệ thống kiểm soát quản trị nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về việc lập kế hoạch chiến lược, lập ngân sách, phân bổ nguồn lực, đo lường hiệu suất, phân bổ công việc, đánh giá và khen thưởng. Bên cạnh đó, khóa học này còn trang bị cho sinh viên các kỹ năng để thực hiện hiệu quả các chiến lược đã đề ra và giải quyết các vấn đề phát sinh.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6, Ks7, Ks8	K3, K4, K5, K6
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5	S3, S4, S5, S6
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3, As4, As5, As6	A1, A2, A3, A4, A5

11.42. Quản trị xung đột

- ❖ Học phần trước: Quản trị học, Quản trị nguồn nhân lực
- ❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Quản trị xung đột thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này nghiên cứu các hình thức

xung đột, nguyên nhân, cách xử lý và quản trị xung đột trong doanh nghiệp. Học phần trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng để người học nhận biết về nguồn gốc và bản chất của từng loại xung đột trong tổ chức; biết cách vận dụng quy trình quản trị xung đột và các kỹ thuật xử lý từng loại xung đột trong tổ chức; đồng thời hướng dẫn người học phát triển kỹ năng truyền thông và kỹ năng đàm phán trong giải quyết xung đột; nhận biết được vai trò của trung gian hoà giải.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4	K3, K4, K5, K6
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4	S3, S4, S5, S6
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3, As4	A1, A2, A3, A4

11.43. Giao tiếp kinh doanh

❖ Học phần trước: Không

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Giao tiếp trong kinh doanh thuộc khối kiến thức bổ trợ ngành. Học phần cung cấp những kiến thức về các phương thức, hình thức giao tiếp trong kinh doanh. Cách thiết kế nội dung trong từng phương thức giao tiếp kinh doanh. Học xong học phần này, sinh viên có thể hướng dẫn hay mô phỏng những kỹ thuật và phương pháp giao tiếp bằng: lời nói, văn bản, điện thoại, email, hệ thống truyền thông, mô hình truyền thông có hiệu quả trong giao tiếp kinh doanh.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6, Ks7, Ks8	K3, K4, K5, K6
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5, Ss6	S3, S4, S5, S6
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3, As4, As5	A1, A2, A3, A4, A5

11.44. Khởi sự kinh doanh

❖ Học phần trước: Nguyên lý marketing, Nguyên lý kế toán

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Thúc đẩy khởi nghiệp được coi là mục tiêu và đồng thời là phương tiện để thực hiện ba đột phá chiến lược của Việt Nam, bao gồm thể chế, hạ tầng và nguồn nhân lực. Kiếm sống, làm giàu và phụng sự xã hội bằng con đường khởi nghiệp đang được các tổ chức chính quyền, đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, các tổ chức phát triển, hiệp hội, trường đại học đặc biệt quan tâm. Các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp, nhiều chính sách, luật và chương trình khuyến khích khởi nghiệp đã và đang được xây dựng, ban hành. Có thể nói rằng, tinh thần hỗ trợ khởi nghiệp ở Việt Nam đang lên cao hơn bao giờ hết. Song điều quan trọng là tinh thần khởi nghiệp này cần được duy trì bền vững để trở thành linh hồn, nền tảng và giá trị cốt lõi của nền kinh tế, thay vì trở thành trào lưu. Trào lưu rồi sẽ qua đi nhưng những nguyên tắc nền tảng để nuôi dưỡng tinh thần khởi nghiệp phải được hình thành, duy trì và phát triển. Nhờ đó, tinh thần khởi nghiệp mới có thể đóng góp lâu dài cho sự thịnh vượng của nền kinh tế, cho sự tiến bộ xã hội ở Việt Nam.

Khởi sự kinh doanh là học phần quan trọng trong khối kiến thức bổ trợ ngành, cung cấp cho sinh viên những phương pháp, công cụ và kỹ năng cần thiết để xây dựng một sự nghiệp cho riêng mình từ việc hình thành ý tưởng cho đến việc thành lập và vận hành một doanh nghiệp khởi nghiệp. Thêm vào đó, học phần còn giúp cho sinh viên hình thành và nuôi dưỡng tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, có tinh thần dẫn thân, tạo công ăn việc làm cho bản thân và xã hội, có ý thức tự chủ, tự cường, góp phần xây dựng quê hương, đất nước ngày một giàu mạnh.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6, Ks7, Ks8	K3, K4, K5, K6, K7, K8
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5, Ss6	S3, S4, S5, S6
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3, As4, As5	A1, A2, A3, A4

11.45. Thực tập cuối khoá

- ❖ Học phần trước: đã hoàn thành các học phần ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo.
- ❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Thực tập cuối khoá là học phần quan trọng, đặc biệt trong chương trình đào tạo, giúp sinh viên vận dụng những kiến thức lý luận đã được học tại Khoa Quản trị kinh doanh, Trường ĐH Tài chính – Marketing để phân tích, kiểm chứng và phát hiện các vấn đề thực tế. Đồng thời, qua đó cũng nâng cao khả năng tư duy, lý luận, phản biện đối với một vấn đề về khoa học quản lý, kinh doanh; là cơ sở để sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu, làm việc độc lập khi ra trường. Thực tập cuối khoá cũng là cơ hội giúp sinh viên nhận diện vấn đề thực tế tại doanh nghiệp và đề xuất biện pháp ứng phó, giải quyết vấn đề giúp cải thiện hoặc nâng cao hiệu quả hoạt động tại doanh nghiệp. Thông qua học phần này, sinh viên tiếp cận, thích nghi và hoà nhập với môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp. Ngoài ra học phần cũng khuyến khích sinh viên thực hiện các đề tài, báo cáo bằng tiếng Anh hoặc thực hiện, báo cáo dự án, kế hoạch kinh doanh khởi nghiệp do mình vận hành.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6, Ks7, Ks8	K3, K4, K5, K6, K7, K8
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5,	S2, S3, S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3, As4, As5, As6	A1, A2, A3, A4

11.46 Thực tập cuối khoá và viết Khoá luận tốt nghiệp

❖ Học phần trước: đã hoàn thành các học phần ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

❖ Tóm tắt nội dung học phần:

Khoá luận tốt nghiệp là học phần quan trọng, đặc biệt trong chương trình đào tạo, giúp sinh viên vận dụng những kiến thức lý luận đã được học tại Khoa Quản trị kinh doanh, Trường ĐH Tài chính – Marketing để phân tích, kiểm chứng và phát hiện các vấn đề thực tế. Đồng thời, qua đó cũng nâng cao khả năng tư duy, lý luận, phản biện đối với một vấn đề về khoa học quản lý, kinh doanh; là cơ sở để sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu, làm việc độc lập khi ra trường. Khoá luận tốt nghiệp cũng là cơ hội giúp sinh viên tìm hiểu, phân tích, đánh giá toàn diện các hoạt động

quản trị kinh doanh một cách khoa học từ việc tìm hiểu và quan sát thực tế tại doanh nghiệp từ đó đề xuất các giải pháp ứng phó, giải quyết vấn đề nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tại doanh nghiệp. Thông qua học phần này, sinh viên tiếp cận, thích nghi và hoà nhập với môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp. Ngoài ra học phần cũng khuyến khích sinh viên thực hiện các các đề tài, báo cáo bằng tiếng Anh hoặc thực hiện, báo cáo dự án, kế hoạch kinh doanh khởi nghiệp do mình vận hành.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu	CĐR học phần	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6, Ks7, Ks8	K3, K4, K5, K6, K7, K8
Kỹ năng	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5	S2, S3, S4, S5
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	As1, As2, As3, As4, As5, As6	A1, A2, A3, A4

12. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH

Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và các học phần - Chuyên ngành QTKDTH - CHƯƠNG TRÌNH CLC

ST T	TÊN HP	MÃ HP	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO																			
			Kiến thức								Kỹ năng							Thái độ				
			K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	S 1	S 2	S 3	S 4	S 5	S 6	A 1	A 2	A 3	A 4	A 5	
X	KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG																					
1	Triết học Mác - Lênin		x	x									x	x	x		x	x	x	x	x	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		x	x									x	x	x		x	x	x	x	x	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học		x	x									x		x		x	x	x	x	x	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		x	x											x		x	x		x	x	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh		x	x									x		x	x	x	x	x	x	x	
6	Pháp luật đại cương		x	x										x	x		x	x	x	x	x	
7	Anh văn căn bản 1			x							x	x	x				x	x			x	
8	Anh văn căn bản 2			x							x	x	x				x	x			x	
9	Anh văn căn bản 3			x							x	x	x				x	x			x	
10	Anh văn căn bản 4			x							x	x	x				x	x			x	
11	Anh văn căn bản 5			x							x	x	x				x	x			x	
12	Anh văn căn bản 6			x							x	x	x				x	x			x	
13	Toán cao cấp		x	x								x		x	x		x	x				
14	Tin học đại cương		x	x								x	x	x			x	x				

15	Giáo dục thể chất																	X	X		X	X
16	Giáo dục quốc phòng																	X	X	X	X	X
II	KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP																					
II.1	KIẾN THỨC CƠ SỞ																					
17	Kinh tế vi mô		X	X		X	X							X	X			X	X			
18	Kinh tế vĩ mô		X	X		X	X							X	X			X	X			
19	Nguyên lý kế toán		X	X	X	X	X							X	X			X	X			
20	Nguyên lý marketing		X	X	X	X	X							X	X			X	X			
21	Quản trị học		X	X	X	X	X							X	X			X	X			
22	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính		X	X		X								X	X			X	X			
23	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng		X	X	X	X	X						X		X	X		X	X			
II.2	KIẾN THỨC NGÀNH																					
24	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh			X	X	X	X	X					X	X		X		X	X	X	X	
25	Quản trị hành chính văn phòng				X	X		X						X	X			X		X		
26	Quản trị chiến lược				X	X	X	X	X	X			X	X	X	X		X	X	X	X	X
27	Quản trị nguồn nhân lực				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X
28	Quản trị marketing				X	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
29	Quản trị vận hành				X	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
30	Quản trị tài chính doanh nghiệp				X	X	X		X	X			X	X	X	X		X	X	X	X	X
31	Quản trị bán hàng				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	

32	Quản trị dự án				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
33	Quản trị chuỗi cung ứng				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
34	Quản trị kinh doanh quốc tế				x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
35	Quản trị chất lượng				x	x		x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x
36	Thực hành nghề nghiệp 1				x	x		x				x	x	x	x		x	x	x		
37	Thực hành nghề nghiệp 2				x	x		x	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	
II.3	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH																				
38	Quản trị rủi ro					x	x	x	x				x	x	x		x	x	x	x	
39	Phân tích dự báo kinh doanh				x	x	x	x	x			x	x	x	x		x	x	x	x	
40	Quản trị đổi mới sáng tạo					x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x
41	Quản trị xung đột				x	x	x	x					x	x	x	x	x	x	x	x	
42	Quản trị đa quốc gia					x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x
43	Quản trị ngoại thương				x	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x	x	x
44	Hệ thống kiểm soát quản trị				x	x	x	x					x	x	x	x	x	x	x	x	x
II.4	KIẾN THỨC BỔ TRỢ NGÀNH																				
45	Giao tiếp kinh doanh				x	x	x	x					x	x	x	x	x	x	x	x	x
46	Khởi sự kinh doanh				x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	
III	KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP																				
47	Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	
48	Thực tập cuối khóa				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	
49	HP thay thế KLTN																				

13. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN PHỤC VỤ GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (xem Phụ lục 1)

14. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO (xem Phụ lục 2)

TP.HCM, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

TS HUỖNH THỊ THU SƯƠNG

TS HOÀNG ĐỨC LONG

PHỤ LỤC 1

ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN PHỤC VỤ GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	HỌ VÀ TÊN, NĂM SINH	HỌC VỊ, NĂM CÔNG NHẬN	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH	MÔN HỌC GIẢNG DẠY	GHI CHÚ
1	Phạm Lê Quang, 1960	Tiến sĩ, 2010	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
2	Lại Văn Nam, 1973	Tiến sĩ, 2020	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị	
3	Nguyễn Minh Hiền, 1972	Thạc sĩ, 2004	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin,	
4	Đặng Chung Kiên, 1979	Thạc sĩ, 2006	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin	
5	Lê Văn Dũng, 1981	Thạc sĩ, 2011	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
6	Bùi Minh Nghĩa, 1982	Thạc sĩ, 2014	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác – Lênin	
7	Nguyễn Tấn Hưng, 1976	Tiến sĩ	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác – Lênin	
8	Mạch Ngọc Thủy, 1977	Thạc sĩ, 2004	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác – Lênin	
9	Ngô Quang Thịnh, 1981	Thạc sĩ, 2009	Kinh tế Chính trị	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác – Lênin	
10	Đặng Hữu Sửu, 1962	Thạc sĩ, 2003	Triết học	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
11	Đỗ Thị Thanh Huyền, 1985	Thạc sĩ, 2010	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.	
12	Hoàng Thị Mỹ Nhân, 1986	Thạc sĩ, 2013	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
13	Vũ Văn Quế, 1972	Thạc sĩ, 2011	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
14	Lê Ngọc Dũng, 1978	Thạc sĩ		Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư	

				tưởng Hồ Chí Minh.	
15	Phạm Thế Vinh, 1962	Thạc sĩ		Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.	
16	Nguyễn Công Duy, 1984	Thạc sĩ		Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.	
17	Trần Hạ Long, 1978	Thạc sĩ		Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
18	Lê Thị Hoài Nghĩa, 1985	Thạc sĩ, 2013	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.	
19	Nguyễn Huy Hoàng, 1964	Tiến sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng...	
20	Nguyễn Văn Phong, 1980	Thạc sĩ, 2006	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
21	Trần Kim Thanh, 1957	Tiến sĩ, 2000	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
22	Nguyễn Tuấn Duy, 1984	Tiến sĩ, 2018	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
23	Ngô Thái Hưng, 1983	Tiến sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng...	
24	Võ Thị Bích Khuê, 1982	Tiến sĩ, 2018	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng,...	
25	Nguyễn Đức Bằng, 1981	Thạc sĩ, 2006	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
26	Nguyễn Trung Đông, 1980	Thạc sĩ, 2008	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
27	Phạm Thị Thu Hiền, 1979	Thạc sĩ, 2007	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng,...	
28	Dương Thị Phương Liên, 1975	Thạc sĩ, 2002	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và	

				thống kê ứng dụng ...	
29	Trần Mạnh Tường, 1974	Thạc sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
30	Lê Trường Giang, 1989	Thạc sĩ, 2013	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng,...	
31	Vũ Anh Linh Duy, 1979	Thạc sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
32	Nguyễn Quyết, 1979	Tiến sĩ, 2018	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
33	Nguyễn Bá Thanh, 1976	Thạc sĩ, 2005	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô	
34	Phạm Việt Huy, 1979	Thạc sĩ, 2005	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
35	Phan Trí Kiên, 1981	Thạc sĩ, 2012	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
36	Lê Thị Ngọc Hạnh, 1986	Thạc sĩ, 2013	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
37	Nguyễn Thị Hồng Vân, 1985	Thạc sĩ, 2014	Cử Nhân Toán, Ths. QTKD	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
38	Lê Thị Bích Thảo, 1989	Thạc sĩ, 2015	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
39	Nguyễn Tú	Tiến sĩ, 2016	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
40	Tô Thị Đông Hà, 1974	Thạc sĩ, 2003	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
41	Phạm Thị Nguyệt Sương, 1981	Thạc sĩ, 2008	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
42	Nguyễn Thị Thái Thuận, 1978	Thạc sĩ, 2006	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
43	Thái Thị Tường Vi, 1981	Thạc sĩ, 2011	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
44	Hồ Thị Thanh Trúc, 1989	Thạc sĩ, 1989	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
45	Ngô Thị Duyên, 1988	Thạc sĩ, 2015	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
46	Đoàn Ngọc Phúc, 1975	Tiến sĩ, 2017	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	

47	Nguyễn Văn Tuyên	Tiến sĩ, 2014	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
48	Phan Ngọc Yến Xuân, 1989	Thạc sĩ, 2015	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
49	Hoàng Thị Xuân, 1987	Thạc sĩ, 2014	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
50	Nguyễn Thị Hào, 1983	Thạc sĩ, 2010	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
51	Nguyễn Thị Quý, 1983	Thạc sĩ, 2012	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
52	Ngô Thị Hồng Giang, 1983	Thạc sĩ, 2010	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
53	Lại Thị Tuyết Lan, 1980	Thạc sĩ, 2009	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
54	Phạm Thị Vân Anh, 1977	Thạc sĩ, 2012	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
55	Nguyễn Thái Hà, 1986	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
56	Nguyễn Nam Phong, 1985	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
57	Nguyễn Anh Tuấn, 1975	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
58	Ngô Thị Thu, 1962	Tiến sĩ	Kinh tế	Nguyên lý Marketing	
59	Ngô Vũ Quỳnh Thi, 1976	Thạc sĩ	Kinh doanh và QL	Nguyên lý Marketing	
60	Nguyễn Ngọc Bích Trâm, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
61	Trần Nhật Minh, 1975	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
62	Ninh Đức Cúc Nhật, 1987	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
63	Nguyễn Thị Minh Ngọc, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
64	Ngô Minh Trang, 1974	Thạc sĩ	Quản trị chuyên nghiệp	Nguyên lý Marketing	
65	Nguyễn Đông Triều, 1983	Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý	Nguyên lý Marketing	
66	Trịnh Thị Hồng Minh, 1988	Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	Nguyên lý Marketing	
67	Huỳnh Trị An, 1983	Thạc sĩ	Marketing	Nguyên lý Marketing	
68	Nguyễn Ngọc Hạnh, 1979	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
69	Nguyễn Thị Thoa, 1986	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý Marketing	
70	Nguyễn Thị Thúy, 1989	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
71	Lâm Ngọc Thùy, 1985	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
72	Đặng Huỳnh Phương, 1989	Thạc sĩ	Marketing	Nguyên lý Marketing	
73	Trần Hằng Diệu, 1989	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
74	Nguyễn Thị Nga Dung, 1986	Thạc sĩ	Kế toá	Nguyên lý kế toán	

75	Thái Trần Văn Hạnh, 1977	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
76	Nguyễn Minh Hằng, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
77	Lê Quang Mẫn	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
78	Vương Thị Thanh Nhân, 1985	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
79	Phạm Thị Kim Thanh, 1984	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
80	Nguyễn Hà Minh Thi, 1985	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
81	Ngô Thị Mỹ Thúy, 1973	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
82	Chu Thị Thương, 1984	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
83	Lê Văn Tuấn, 1977	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
84	Dương Hoàng Ngọc Khuê, 1980	Tiến sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
85	Ngô Nhật Phương Diễm, 1978	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
86	Nguyễn Thị Kiều Oanh, 1991	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
87	Nguyễn Thị Ngọc Oanh, 1991	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
88	Ung Hiền Nhã Thi, 1988	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Nguyên lý kế toán	
89	Trần Văn Trung, 1977	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
90	Vũ Thanh Tùng, 1984	Thạc sĩ	Kinh tế	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
91	Chu Thị Thanh Trang, 1986	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
92	Nguyễn Xuân Dũng, 1990	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
93	Lê Thị Ngọc Phượng, 1984	Thạc sĩ		Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
94	Trần Thị Thanh Nga, 1987	Tiến sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
95	Nguyễn Thị Bảo Ngọc, 1988	Thạc sĩ	Kinh tế	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
96	Trương Xuân Hương, 1985	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
97	Nguyễn Thị Trần Lộc, 1984	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	
98	Tôn Thất Hòa An, 1962	Tiến sĩ	Kỹ sư	Tin học đại cương	
99	Lâm Hoàng Trúc Mai, 1987	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	
100	Phạm Thủy Tú, 1985	Tiến sĩ	Hệ thống thông tin	Tin học đại cương	
101	Trương Đình Hải Thụy, 1974	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Tin học đại cương	
102	Nguyễn Thanh Trường, 1971	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Tin học đại cương	
103	Trần Thanh San, 1970	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
104	Trần Trọng Hiếu, 1966	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
105	Trần Anh Sơn, 1971	Thạc sĩ	Tài chính Bảo hiểm	Tin học đại cương	
106	Võ Xuân Thế, 1970	Thạc sĩ	Tin học	Tin học đại cương	

107	Nguyễn Huy Khang, 1974	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Tin học đại cương	
108	Nguyễn Quốc Thanh, 1978	Thạc sĩ	Truyền dữ liệu và mạng máy tính	Tin học đại cương	
109	Huỳnh Ngọc Thành Trung, 1976	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
110	Nguyễn Thanh Bình, 1983	Thạc sĩ	Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán	Tin học đại cương	
111	Lê Thị Kim Thoa, 1979	Thạc sĩ	Kế toán	Tin học đại cương	
112	Đinh Nguyễn Thúy Nguyệt, 1988	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	
113	Nguyễn Thị Tuyết Anh, 1980	Thạc sĩ NCS	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
114	Nguyễn Thị Bội Ngọc, 1971	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh Quản lý Giáo dục	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
115	Nguyễn Thị Kim Ba, 1980	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
116	Nguyễn Thị Thúy An, 1987	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
117	Lê Xuân Quỳnh Anh, 1982	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
118	Mai Văn Thống, 1963	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
119	Nguyễn Ngọc Tuyền, 1965	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
120	Đặng Nguyễn Phương Thảo, 1987	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
121	Võ Thị Ánh Nguyệt, 1976	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
122	Nguyễn Thị Diễm, 1983	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
123	Đỗ Khoa, 1989	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
124	Đoàn Quang Định, 1977	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
125	Phan Thị Hiền, 1980	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
126	Nguyễn Văn Hân, 1987	Thạc sĩ NCS	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
127	Phạm Thị Ngọc Lan, 1987	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
128	Phan Văn Quang, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
129	Cảnh Chí Hoàng, 1977	Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Quản trị học, Quản trị chiến lược, Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	

130	Trần Nhân Phúc, 1979	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học, Giao tiếp trong kinh doanh, Quản trị chiến lược	
131	Nguyễn Thị Minh Trâm, 1972	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học, Quản trị chiến lược	
132	Hồ Xuân Tiến, 1978	Tiến sĩ	Kinh doanh và Quản lý	Quản trị học, Quản trị chiến lược, Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	
133	Phạm Thị Trâm Anh	Thạc sĩ	Văn hoá	Quản trị học, Giao tiếp trong kinh doanh	
134	Trương Thị Thúy Vân, 1977	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học, Quản trị xung đột	
135	Trần Thị Siêm, 1982	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học, Quản trị xung đột	
136	Thái Kim Phong, 1977	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học, Quản trị hành chính văn phòng	
137	Hoàng Văn Trung, 1980	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học, Quản trị hành chính văn phòng, Quản trị chiến lược	
138	Vũ Hồng Vân, 1980	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học, Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh,	
139	Trần Hải Minh Thu	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học, Quản trị Nguồn nhân lực (TA)	
140	Lê Ngọc Hải	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học, Phương pháp nghiên cứu trong Kinh doanh	
141	Huỳnh Thị Thu Sương	Tiến sĩ	Kinh doanh và Quản lý	Quản trị nguồn nhân lực (TA), Quản trị kinh doanh quốc tế, Quản trị ngoại thương	
142	Trần Văn Hưng	Tiến sĩ	Quản lý Kinh tế	Quản trị kinh doanh quốc tế, Quản trị đa quốc gia, Khởi sự kinh doanh	
143	Tiêu Vân Trang	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh quốc tế, Quản trị đa quốc gia, Quản trị ngoại thương	
144	Nguyễn Phi Hoàng	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh quốc tế, Quản trị đa quốc gia, Quản trị chuỗi cung ứng	
145	Nguyễn Thanh Lâm	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị vận hành, Khởi sự kinh doanh, Quản trị đổi mới sáng tạo	
146	Trần Quốc Tuấn	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị vận hành, Quản trị rủi ro	
147	Hoàng Thu Thảo	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị đổi mới sáng tạo, Quản trị dự án, Hệ thống kiểm soát quản trị	
148	Trần Nguyễn Kim Đan	Thạc sĩ	Kinh tế	Quản trị chất lượng, Quản trị vận hành, Quản trị dự án	
149	Nguyễn Gia Ninh	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị chất lượng, Quản trị chuỗi cung ứng, Quản trị chiến lược	
150	Tô Anh Thơ	Tiến sĩ	Kinh tế	Quản trị chất lượng, Quản trị	

				chuỗi cung ứng, Thiết lập và thẩm định dự án	
151	Nguyễn Thị Hải Bình	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị dự án, Quản trị rủi ro, Quản trị nguồn nhân lực (TA)	
152	Đặng Thị Thùy Dương	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị dự án	
153	Nguyễn Kiều Oanh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Phân tích và dự báo trong kinh doanh, Quản trị rủi ro, Hệ thống kiểm soát quản trị	
154	Hồ Thị Thu Hồng	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Phân tích và dự báo trong kinh doanh, Quản trị rủi ro, Quản trị dự án	
155	Trần Vĩnh Hoàng	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị chất lượng, Khởi sự kinh doanh, Quản trị đổi mới sáng tạo	
156	Phạm Thị Ngọc Mai	Tiến sĩ	Quản lý Kinh tế	Bán hàng chuyên nghiệp 1, Quản trị bán hàng, Quản trị hành chính văn phòng	
157	Ao Thu Hoài	Tiến sĩ	Kinh tế học	Quản trị xúc tiến thương mại, Quản trị bán hàng, Bán hàng chuyên nghiệp 2	
158	Lưu Thanh Thủy	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị bán hàng, Bán hàng chuyên nghiệp 2, Quản trị chất lượng (TA)	
159	Trần Thế Nam	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị xúc tiến thương mại, Quản trị bán hàng, Quản trị quan hệ khách hàng	
160	Võ Thị Ngọc Liên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị bán lẻ, Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	
161	Lượng Văn Quốc	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị quan hệ khách hàng, Quản trị xúc tiến thương mại, Quản trị kênh bán hàng	
162	Mai Thoại Diễm Phương	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị bán lẻ, Bán hàng chuyên nghiệp 1, 2	
163	Trần Thị Tuyết Mai	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị bán lẻ, Bán hàng chuyên nghiệp 1	
164	Lê Thị Thanh Trang	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị bán hàng, Quản trị quan hệ khách hàng	

PHỤ LỤC 2
CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

1. Các cơ sở, phòng học, giảng đường, phòng thực hành, phòng mô phỏng, trang thiết bị phục vụ giảng dạy

1.1. Diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	64.972,9	62.472,9		2.500
	Trong đó:				
a	778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. HCM	13.144,3	13.144,3		
b	27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Tp. HCM	9.160	9.160		
c	B2/1A đường 385, phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM	39.576	39.576		
d	306 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM	444,6	444,6		
e	343/4 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM	148	148		
f	2C Phở Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp. HCM	2.500			2.500
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	39.760	32.407		7.353
	Trong đó:				
a	778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. HCM	3.747	3.747		
b	27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Tp. HCM	11.451	11.451		
c	B2/1A đường 385, phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM	16.275	16.275		
d	306 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM	688	688		

STT	Nội dung	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
e	343/4 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM	246	246		
f	2C Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp. HCM	7.353			7.353

1.2. Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	0						
2	Phòng thực hành	46	Học tin học, tiếng Anh, thực hành doanh nghiệp ảo	Sinh viên, giảng viên	3.409	3.409		
3	Xưởng thực tập	0						
4	Nhà tập đa năng	4	Tập luyện thể thao	Học viên, sinh viên, CBVC	2.765	2.765		
5	Hội trường	6	Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện ...	Học viên, sinh viên, CBVC	3.411,3	2.771,3		640
6	Phòng học	296	Giảng dạy, học tập	Học viên, sinh viên, giảng viên	24.533	18.909		5.624
7	Phòng học đa phương tiện	0						
8	Thư viện	3	Phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH	Học viên, sinh viên, CBVC	2.817	2.417		400
9	Trung tâm học liệu	0						

10	Các phòng chức năng khác	42	Phòng GV; phòng GS, PGS; phòng đa năng	CBVC, học viên, sinh viên	2.825	2.136		689
----	--------------------------	----	--	---------------------------	-------	-------	--	-----

2. Thư viện và học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)

- Tổng diện tích thư viện: 2.080 m², trong đó có 1.300 m² là diện tích phòng đọc.
Thư viện được đặt tại các cơ sở:
 - o Cơ sở 1: 27 Tân Mỹ, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7.
 - o Cơ sở 2: 2C Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình.
 - o Cơ sở 3: B2/1A Đường 385, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
- Phần mềm quản lý thư viện: PSC Zlis 7.0
- Đã có thư viện điện tử, đã kết nối với các cổng thông tin điện tử như:
 - o Cổng thông tin Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ.
 - o Cơ sở dữ liệu sách điện tử IGP.
 - o Cơ sở dữ liệu kết quả nghiên cứu quốc gia.
 - o Ebooks của Nhà xuất bản Tổng hợp.
 - o Cơ sở dữ liệu điện tử Proquest.
 - o Tài liệu thuê quyền truy cập từ NXB Tổng hợp: 300

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số phòng đọc	5
2	Số chỗ ngồi đọc	300
3	Số máy tính của thư viện phục vụ tra cứu	101
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	21.177
4.1	Tài liệu dạng in	
4.1.1	Sách	17.235 tựa/ 56.434 bản
4.1.2	Luận văn Thạc sĩ	2.417
4.1.3	Chuyên đề tốt nghiệp	1.480
4.1.4	Báo - tạp chí	10 tựa báo, 31 tựa tạp chí và bản tin
4.2	Tài liệu điện tử	
4.2.1	Luận văn Thạc sỹ	2.207
4.2.2	Bài trích Báo – Tạp chí	411
4.2.3	Chuyên đề tốt nghiệp	99
4.2.4	Sách, tài liệu nghiên cứu khoa học	167

4.2.5	Cơ sở dữ liệu	Nasati (Gói dữ liệu của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, bao gồm: STD-Tài liệu KH&CN Việt Nam, Nhiệm vụ KH&CN Việt Nam, ScienceDirect, Scopus, ProQuest Central, IEEE Xplore Digital Library, SpringerNature ...)
		Emerald
		Sage
		Bộ Dữ liệu Kinh tế - Tài chính - Vĩ mô (FiinPro)
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	2

3. Giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Sử dụng trong các trường ĐH - Hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2021	Triết học Mác – Lênin
2	Tài liệu học tập Triết học Mác-Lênin	Trường Đại học Tài chính – Marketing		2021	Triết học Mác – Lênin
3	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)		Chính trị Quốc gia sự thật	2021	Triết học Mác – Lênin

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
4	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin: Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Viết Thông và cộng sự	Chính trị Quốc gia	2009	Triết học Mác – Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia sự thật	2021	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
6	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2012	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
7	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia	2021	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
8	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Sử dụng trong các trường Đại học - Hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2021	Chủ nghĩa xã hội khoa học
9	Tài liệu học tập Học phần Chủ nghĩa xã	Khoa Lý luận chính trị,	Lưu hành nội bộ	2020	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	hội khoa học	Trường Đại học Tài chính – Marketing			
10	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Sử dụng trong các trường ĐH – Hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2021	Chủ nghĩa xã hội khoa học
11	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2021	Chủ nghĩa xã hội khoa học
12	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (phần 1)	Trường ĐH Tài chính-Marketing,	Lưu hành nội bộ	2015	Chủ nghĩa xã hội khoa học
13	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh
14	Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh (lưu hành nội bộ)	Trường ĐH Tài chính-Marketing,	Lưu hành nội bộ	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh
15	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia		Tư tưởng Hồ Chí Minh
16	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Đặng Xuân Kỳ	Chính trị Quốc gia	2012	Tư tưởng Hồ Chí Minh
17	Tư tưởng Hồ Chí	Đại tướng Võ	Chính trị Quốc gia	2011	Tư tưởng Hồ Chí

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	Mình và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011	Nguyễn Giáp			Mình
18	Hồ Chí Minh toàn tập (Tập 1 – 15)		Chính trị Quốc gia	2011	Tư tưởng Hồ Chí Minh
19	Hồ Chí Minh – Tiểu sử	Song Thành và cộng sự	Lý luận chính trị	2006	Tư tưởng Hồ Chí Minh
20	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Chính trị Quốc gia	2021	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
21	Tài liệu học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (lưu hành nội bộ)	Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2021	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
21	Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia	Chính trị Quốc gia	2018	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
22	Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tập I, II và III)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2007	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
23	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2006	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
24	Tập bài giảng Pháp luật đại cương	Bộ môn Luật, Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ		
25	Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân		Pháp luật đại cương

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
26	Giáo trình Pháp luật đại cương	Khoa luật - ĐH Kinh tế quốc dân	Đại học Kinh tế quốc dân		Pháp luật đại cương
27	Giáo trình Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế	Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Hồng Đức	2012	Pháp luật đại cương
28	Giáo trình pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh	Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam	2014	Pháp luật đại cương
29	Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam	Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Hồng Đức	2013	Pháp luật đại cương
30	Các văn bản dưới Luật: Hiến pháp 2013 Bộ luật Dân sự 2015 - Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 - Bộ luật Lao động 2019 - Luật Ban hành văn bản QLPL 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) - Các văn bản dưới luật có liên quan.				Pháp luật đại cương
31	Personal Best – Student's book - B1 ⁺ (A) Intermediate				Tiếng Anh tổng quát 1
32	Personal Best – Workbook – B1 ⁺ (A)				Tiếng Anh tổng quát 1

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	Intermediate				
33	Speaking for IELTS				Tiếng Anh tổng quát 1
34	Personal Best – Student’s book – B1 ⁺ (B) Intermediate				Tiếng Anh tổng quát 2
35	Personal Best – Workbook – B1 ⁺ (B) Intermediate				Tiếng Anh tổng quát 2
36	Speaking for IELTS				Tiếng Anh tổng quát 2
37	Personal Best – Student’s book – B2 (A) Intermediate				Tiếng Anh tổng quát 3
38	Personal Best – Workbook – B2 (A) Intermediate				Tiếng Anh tổng quát 3
39	Speaking for IELTS				Tiếng Anh tổng quát 3
40	Personal Best – Student’s book – B2 (B) Intermediate				Tiếng Anh tổng quát 4
41	Personal Best – Workbook – B2 (B) Intermediate				Tiếng Anh tổng quát 4
42	Speaking for IELTS				Tiếng Anh tổng quát 4
43	Business Result – Intermediate				Tiếng Anh tổng quát 5
44	Speaking for IELTS				Tiếng Anh tổng quát 5

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
45	Business Result – Intermediate				Tiếng Anh tổng quát 6
46	Speaking for IELTS				Tiếng Anh tổng quát 6
47	Bài giảng Toán cao cấp	Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2009	Toán cao cấp
48	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế	Lê Đình Thúc	Đại học kinh tế Quốc Dân	2010	Toán cao cấp
49	Toán cao cấp	Trần Minh Thuyết – Trường Đại học Tài chính – Marketing	Tài Chính	2007	Toán cao cấp
50	Fundamental Methods of Mathematical Economics	Alpha C. Chiang	McGraw-Hill		Toán cao cấp
51	Calculus Early Transcendentals, 6e	James Stewart	Thomson Learning	2008	Toán cao cấp
52	Tập bài giảng Tin học đại cương hướng đến chuẩn Mos và IC3	Trương Đình Hải Thụy, Trần Trọng Hiếu, Trương Xuân Hương, Trần Thanh San, Đinh Xuân Thọ, Nguyễn Thanh Trường	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2018	Tin học đại cương
53	Hướng dẫn tự học Kinh tế vi mô	Bộ môn Kinh tế học, Khoa Cơ bản, Trường Đại học Tài	Lưu hành nội bộ	2018	Kinh tế vi mô 1

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		chính - Marketing			
54	Kinh tế học Vi mô	David Begg, Stanley Fischer and Rudiger Dornbusch (Nhóm giảng viên ĐH Kinh tế Quốc dân dịch)	Thống kê	2018	Kinh tế vi mô 1
55	Kinh tế vi mô	Lê Bảo Lâm	Kinh tế TpHCM`	2017	Kinh tế vi mô 1
56	Microeconomics	7 th N.Gregory Mankiw	Worth Publishers	2010	Kinh tế vi mô 1
57	Hướng dẫn tự học Kinh tế vĩ mô	Nhóm tác giả Bộ môn Kinh tế học, Khoa Cơ bản, Trường Đại học Tài chính - Marketing	Lưu hành nội bộ	2018	Kinh tế vĩ mô 1
58	Kinh tế học Vĩ mô	Nhóm giảng viên Khoa Kinh tế học, trường Đại học Kinh tế quốc dân dịch	Thống kê	2018	Kinh tế vĩ mô 1
59	Nguyên lý kế toán	Thiều Thị Tâm, Trần Hồng Vân, Dương Hoàng Ngọc Khuê, Phạm Huỳnh Lan Vi, Lê Quang Mẫn	Lưu hành nội bộ	2018	Nguyên lý kế toán
60	Giáo trình Nguyên lý Kế toán	Khoa Kế toán Kiểm toán, trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2017	Nguyên lý kế toán

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
61	Bài tập Nguyên lý Kế toán	Khoa Kế toán Kiểm toán, trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2017	Nguyên lý kế toán
62	Nguyên lý kế toán	Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	Thống Kê	2017	Nguyên lý kế toán
63	Nguyên lý kế toán	Vũ Hữu Đức (c.b); Lê Thị Khoa Nguyên; Lê Thị Minh Châu; ...và nhiều tác giả	Lao động	2017	Nguyên lý kế toán
64	Luật kế toán		Chính trị quốc gia	2018	Nguyên lý kế toán
65	Nguyên lý Marketing	Tập thể khoa Marketing Trường ĐH Tài chính – Marketing	Thống kê	2012	Nguyên lý marketing
66	Nguyên lý Marketing	TS. Ngô Thị Thu	Lưu hành nội bộ	2018	Nguyên lý marketing
67	Giáo trình Quản trị học	Cảnh Chí Hoàng	Lưu hành nội bộ	2021	Quản trị học
68	Quản trị học	Khoa QTKD, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	Kinh tế Tp.HCM	2015	Quản trị học
69	Những cốt yếu của quản lý	Harold Koontz và cộng sự	Khoa học Kỹ thuật Hà Nội	1998	Quản trị học
70	Quản trị học	Phan Thăng & Nguyễn Thanh Hội	Hồng Đức	2012	Quản trị học
71	Bài giảng Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1	Bộ môn Tài chính – tiền tệ, Khoa Tài chính	Lưu hành nội bộ		Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		ngân hàng			
72	The Economics of Money, Banking and Financial Markets	Frederic S.Mishkin	Pearson/Addison-Wesley	2013	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
73	Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính	Nguyễn Văn Tiến	Lao động	2016	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
74	Nhập Môn Tài chính – Tiền tệ	Sử Đình Thành và Vũ Thị Minh Hằng, Trường Đại học quốc gia Hà Nội	Lao động xã hội	2014	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
75	Essentials of Corporate Financial Management	Glen Arnorld	Pearson	2013	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
76	Public Finance	David Hyman	Cengage learning	2010	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
77	Thị trường tài chính	Jeff Madura	Cengage	2015	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
78	Bài giảng Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán	Bộ môn Toán – Thống kê, Trường ĐH Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2013	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
79	Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	Đại học Quốc gia Hà nội	2006	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
80	Thống kê và ứng dụng	Đặng Hùng Thắng	Giáo dục	1999	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
81	Bài tập xác suất và Thống kê Toán học	Nguyễn Đình Cử, Trương	Đại học Kinh tế quốc dân	1992	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		Điều			
82	Lý thuyết xác suất và Thống kê toán	Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh	Khoa học Kỹ thuật	1996	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
83	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Đào Duy Huân		2019	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh
84	Business research methods 12th Edition	Cooper, D. R., & Schindler, P. S	McGraw-Hill/Irwin	2014	
85	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - kiến thức cơ bản.	Trần Tiến Khai	NXB Lao động Xã hội, Hà Nội:	2012	
86	Bài giảng Quản trị nguồn nhân lực,	Cảnh Chí Hoàng	Khoa Quản trị kinh doanh, UFM	2018	Quản trị nguồn nhân lực
87	Quản trị nhân lực	Nguyễn Vân Diễm Nguyễn Ngọc Quân	Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.	2010	
88	Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	Nxb Thống kê.	2011	
89	Bài giảng Giao tiếp trong kinh doanh	Tập thể tác giả Khoa Quản trị kinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh, UFM	2014	Giao tiếp kinh doanh
90	Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh	Thái Trí Dũng	NXB Thống kê,	2015	

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
91	Giáo trình giao tiếp kinh doanh,	Hà Nam Khánh Giao	NXB Lao động – Xã hội,	2010	
92	Quản trị chất lượng trong các tổ chức,	Tạ Thị Kiều An và cộng sự	NXB Thống kê,	2004	Quản trị chất lượng
93	Tìm hiểu chất lượng, Phương pháp đạt chất lượng, Đánh giá chất lượng	Business Edge,	NXB Trẻ	2005	
94	Quản trị chất lượng	Nguyễn Kim Định	NXB Tài chính	2010	
95	Giáo trình môn Quản trị hành chính văn phòng	Khoa quản trị kinh doanh	Lưu hành nội bộ	2017	Quản trị hành chính văn phòng
96	Quản trị Hành chính Văn phòng	Vương Thị Kim Thanh	NXB Thống Kê	2001	
97	Quản trị hành chính văn phòng	Vũ Đình Quyền	NXB Thống kê	2005	
98	Quản trị kinh doanh quốc tế	Bùi Lê Hà và Cộng sự	NXB Lao động – Xã hội, TPHCM.	2012	Quản trị kinh doanh quốc tế
99	Global Business Today, 8 Edition	Hill. C.W.L do do Tập thể tác giả Đại Học Kinh Tế TPHCM dịch;	NXB UEH.	2014	
100	International Bussiness	Alan M. Rugman, Simon Collinson	Pearson	2012	

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
101	Tài liệu học tập do giảng viên tự biên soạn là tài liệu chính.	Khoa quản trị kinh doanh	Lưu hành nội bộ	2017	Quản trị vận hành
102	Quản Trị Sản Xuất	TS. Nguyễn Văn Hiến	NXB ĐH Quốc Gia TP. HCM	2001	
103	Quản Trị Sản Xuất dịch vụ	Đồng Thị Thanh Phương	NXB Thống Kê	2001	
104	Bài giảng Quản trị chuỗi cung ứng	Nguyễn Phi Hoàng & Tiêu Vân Trang	Lưu hành nội bộ	2017	Quản trị chuỗi cung ứng
105	Quản trị vận hành & chuỗi cung ứng	Jacobs & ChAae		2014	
106	Tinh hoa Quản trị chuỗi cung ứng	Hugos		2011	
107	Tài liệu giảng dạy do các giảng viên bộ môn QTBH biên soạn	Bộ môn QTBH, Khoa Quản trị kinh doanh, UFM	Khoa Quản trị kinh doanh, UFM Lưu hành nội bộ	2017	Quản trị bán hàng
108	Dalrymple's Sales Management: Concepts and CAaes, 10th Edition	Cron, DeCarlo	Wiley Publisher.	2009	
109	Sales Force Management, 10th Edition.	Johnston, M. W and Marshall, G. W.	McGraw-Hill Publisher.	2011	
110	Tài liệu quản trị chiến lược,	Bộ môn Quản trị cơ sở, Khoa Quản trị kinh doanh, UFM	Khoa Quản trị kinh doanh, UFM Lưu hành nội bộ		Quản trị chiến lược

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
111	Khái luận quản trị chiến lược	F. David		2016	
112	Strategic management: Text and cAaes		Mc Graw Hill	2014	
113	Giáo trình Quản trị dự án đầu tư,	Nguyễn Văn Đáng, Nguyễn Thị Hải Bình,	UFM	2016	Quản trị dự án
114	Project Management: The Managerial process, 2 nd Edition	Gray, Clifford F. và Erik W. Larson,	McGraw-Hill/Irwin, Singapore,	2003	
115	Quản lý dự án	Cao Hào Thi và Nguyễn Thúy Quỳnh Loan	NXB ĐHQG TP. HCM		
116	Phân tích và dự báo trong kinh doanh	Phan Đức Dũng	NXB lao động xã hội	2011	Phân tích và dự báo kinh doanh
117	Giáo trình Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh	Phạm Văn Dực và Đặng Kim Cương	NXB Thống kê.	2010	
118	Giáo trình Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	Nguyễn Năng Phúc	NXB Tài chính Hà Nội	2010	
119	Khởi sự Doanh nghiệp (How to Start Your Business)	ILO, VCCI	VCCI	2012	Khởi sự kinh doanh
120	Khởi nghiệp tinh gọn	Eric Ries - Nguyễn Dương Hiếu dịch	NXB Thời đại	2014	

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
121	Khởi nghiệp: bí quyết của người thành đạt	Đặng Đức Thành	NXB Thanh niên	2014	
122	Bài giảng Quản trị rủi ro	Nguyễn Kiều Oanh	Khoa Quản trị kinh doanh, UFM Lưu hành nội bộ		Quản trị rủi ro
123	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	Nguyễn Thị Liên Diệp và cộng sự	NXB Hồng Đức	2018	
124	Quản trị rủi ro	Ngô Quang Huân, Võ Thị Quý, Nguyễn Quang Thu, Trần Quang Trung	NXB Giáo dục		
125	Bài giảng quản trị đổi mới sáng tạo	Nguyễn Thanh Lâm			Quản trị đổi mới sáng tạo
126	Innovation and New Product Development	Paul Trott	NXB Pentice Hall	2018	
127	Harvard Business Essential - Quản Lý Tính Sáng tạo Và Đổi Mới	Harvard school	NXB Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh	2016	
128	Tài liệu học tập Quản trị đa quốc gia	Tập thể tác giả Khoa Quản trị kinh doanh, UFM	Khoa Quản trị kinh doanh, UFM Lưu hành nội bộ	2020	Quản trị đa quốc gia

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
129	Multinational management: a strategic approach, 7th	John B Cullen; Praveen Parboteeah	Boston: Cengage Learning	2017	
130	International management: managing across borders and cultures: text and cAaes, 8th Edition	Helen Deresky	Pearson	2014	
131	Quản trị Ngoại Thương	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Lao động – XH, TPHCM	2009	Quản trị ngoại thương
132	Quản trị Xuất Nhập khẩu	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Tổng Hợp TPHCM	2015	
133	Nghiệp vụ Ngoại Thương	Đỗ Quốc Dũng	NXB Tài chính, Hà Nội	2015	
134	Giáo trình Quản trị kinh doanh, tập 2	Nguyễn Ngọc Huyền	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2013	Hệ thống kiểm soát quản trị
135	Giáo trình Kiểm soát quản lý,	Nguyễn Thị Phương Hoa	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân	2011	
136	Management, 14 th edition	Stephen P. Robbins & Mary Coulter	Person	2017	
137	Conflict management in the workplace: how to manage disagreements and develop trust and understanding	Shay McConnon and Margaret McConnon		2008	Quản trị xung đột
138	Quản lý các mối quan hệ: ngăn ngừa những xung đột tại	Dela Jenkins		2007	

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	nơi làm việc				
139	Quản trị Nguồn nhân lực – Nguyên tắc và vận dụng trong thực tiễn	Huỳnh Thị Thu Sương	NXB Đại học Kinh tế TP.HCM	2017	Quản trị nguồn nhân lực
140	Chuỗi cung ứng – Từ lý thuyết đến thực tiễn	Huỳnh Thị Thu Sương	NXB Đại học Kinh tế TP.HCM	2017	Quản trị Chuỗi cung ứng
141	Quản trị Kinh doanh quốc tế	Huỳnh Thị Thu Sương (chủ biên), Trần Văn Hưng, Tiêu Vân Trang	NXB Tài chính	2021	Quản trị kinh doanh quốc tế
142	Quản trị hành chính văn phòng	Phạm Thị Ngọc Mai và cộng sự	NXB Tài chính	2021	Quản trị hành chính văn phòng